

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

Đổi mới quản trị
Phát huy trí tuệ
Sẻ chia, cầu thị
Đoàn kết nhất trí
Giá trị vững bền



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

I/ Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa quý cổ đông,

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex), tôi xin gửi tới Quý cổ đông, Nhà đầu tư lời chào trân trọng nhất cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Năm 2019 đã chứng kiến những diễn biến phức tạp tình hình kinh tế chính trị thế giới, chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc đã dẫn đến tình trạng sụt giảm của hoạt động sản xuất và thương mại dệt may toàn cầu, giá Sợi sụt giảm, đơn hàng May thưa thớt. Năm 2019, tổng cầu dệt may thế giới giảm 1,5% so mức tăng 7,3% của năm 2018. Trong khi đó, doanh nghiệp dệt may Việt Nam chưa thể tận dụng được ngay cơ hội từ các Hiệp định thương mại do phần lớn chưa đáp ứng được yêu cầu về quy tắc xuất xứ. Hơn nữa, chi phí đầu vào như lương tối thiểu tiếp tục tăng, giá điện tăng dẫn đến doanh nghiệp gặp khó khăn về hiệu quả, nhất là trong bối cảnh chịu ảnh hưởng từ thị trường thế giới.

Với tình hình đặc biệt khó khăn như trên, ngành Dệt may Việt Nam đã nỗ lực để đạt KNXXK ở mức 39 tỷ USD, tăng trưởng 7,29 % so với năm 2018, tiếp tục giữ vững ở vị trí 3 nước dẫn đầu về xuất khẩu dệt may lớn nhất trên thế giới. Tuy nhiên, mức tăng trưởng này phần lớn đến từ các doanh nghiệp mới đầu tư đi vào hoạt động, làm tăng năng lực sản xuất ngành, trong khi đó các doanh nghiệp đang hoạt động như Vinatex chỉ tăng trưởng trên 2%. Dù vậy, kết quả trên thực sự đáng ghi nhận, và có được là nhờ sự quan tâm, định hướng chỉ đạo của Chính phủ, sự đoàn kết gắn bó của người lao động của ngành Dệt may Việt Nam, trong đó có đóng góp của Vinatex thông qua việc tiếp tục tái cơ cấu, sắp xếp lại đơn vị theo hướng quản trị chặt chẽ, tinh gọn bộ máy, đầu tư chiều sâu và phát triển bền vững.

Triển vọng nền kinh tế toàn cầu 2020 được nhận định vẫn trong tình trạng bấp bênh, khi cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung chưa có hồi kết, bầu cử Tổng thống Mỹ nhiệm kỳ mới, Anh chính thức rời liên minh EU, đặc biệt dịch bệnh Covid-19 lan rộng tại các quốc gia, lãnh thổ trên thế giới... sẽ tác động nhiều đến tình hình kinh tế chung cũng như thị trường dệt may toàn cầu. Theo Mc Kinsey cũng như EU, dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2020 sẽ chỉ ở mức 1-1,5%, thấp hơn mức 2,5% dự báo trước đây. Trong đó các nền kinh tế chủ chốt của thế giới như Mỹ, Trung Quốc, EU đều có tốc độ tăng trưởng chỉ ngang 50% năm 2019, thậm chí suy giảm.

Trong điều kiện mới hết sức khó khăn, chưa bao giờ có, khi tổng cầu dệt may thế giới đột ngột dừng lại trong năm 2020, và để chuẩn bị sẵn sàng cho các lộ trình thoái vốn nhà nước tại Tập đoàn, Vinatex cần có những chiến lược phát triển đồng bộ, sáng tạo, đột phá để mang lại những giá trị hiệu quả và bền vững như sau:



1. Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ trong điều kiện thị trường khó khăn hơn. Phát huy sức mạnh trí tuệ tập thể, đoàn kết, chia sẻ, cầu thị, trách nhiệm để tiếp tục gìn giữ, bảo toàn tài sản, giá trị vô hình và hữu hình của Tập đoàn.
2. Đẩy mạnh nghiên cứu đầu tư, ứng dụng công nghệ tự động xanh sạch và không sử dụng nhiều lao động, giảm bớt thời gian lao động, tiết giảm chi phí sản xuất, đồng thời nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh.
3. Tích cực xây dựng văn hóa doanh nghiệp Tập đoàn trên tinh thần kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống, quan tâm cán bộ hưu trí, người lao động có hoàn cảnh khó khăn, tiến tới chuyên nghiệp, trách nhiệm cao với công tác xã hội của Tập đoàn.
4. Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch, đánh giá, tăng cường, bổ sung cán bộ cùng với việc xây dựng giải pháp về nhân lực quản trị các cấp cùng cơ chế tạo động lực tiền lương, khen thưởng gắn bó với trách nhiệm công việc.
5. Xây dựng mô hình tổ chức thị trường tập trung, làm việc với khách hàng lớn để liên kết, hợp tác khai thác năng lực sẵn có của các doanh nghiệp trong Tập đoàn, đồng thời nắm bắt cơ hội, thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu thông qua các FTAs.

Năm 2020 là thời điểm kỉ niệm 25 năm hình thành và phát triển Tập đoàn, cũng là thời điểm tổ chức đại hội cổ đông nhiệm kỳ 2020-2025, trước những cơ hội và khó khăn thách thức đan xen, thay mặt HĐQT Tập đoàn, tôi kêu gọi tất cả cổ đông, cán bộ công nhân viên người lao động của Tập đoàn cần tiếp tục đoàn kết, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, thi đua lao động, sản xuất kinh doanh để Tập đoàn gặt hái thêm nhiều thành công trong năm 2020 và cả nhiệm kỳ tới.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Quang Nghị

II/ Thông tin chung

1. Tổng quan về Tập đoàn

Tên tiếng Việt:	TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
Tên tiếng Anh:	VIETNAM NATIONAL TEXTILE AND GARMENT GROUP
Tên giao dịch:	VINATEX
Vốn điều lệ:	5.000.000.000.000 đồng (Năm nghìn tỷ đồng)
Địa chỉ:	VP HN: 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam VP HCM: 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	(+84) 24 3825 7700
Fax:	(+84) 24 3826 2269
Website:	www.vinatex.com.vn

2. Tầm nhìn – Sứ mệnh, Văn hóa doanh nghiệp, Khẩu hiệu – Biểu tượng

2.1. Tầm nhìn – Sứ mệnh

- Xây dựng giá trị và sự hài lòng cho khách hàng bằng cách thiết lập Tập đoàn Dệt May Việt Nam trở thành nhà sản xuất hàng dệt may hàng đầu thế giới, có khả năng cung cấp cho khách hàng các dịch vụ trọn gói trên toàn chuỗi cung ứng, thời trang, chất lượng cao và thân thiện với môi trường.
- Đạt hiệu quả sản xuất cao nhờ liên tục cải thiện chất lượng quản lý và chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới công nghệ, chăm lo đời sống cho người lao động và có trách nhiệm với xã hội.

2.2. Văn hóa doanh nghiệp

- Hiểu công việc mình làm.
- Yêu nghề, nhiệt huyết, có thái độ tích cực đối với công việc.
- Không đổ lỗi, không né tránh trách nhiệm, sẵn sàng nhận lỗi khi có sai sót.
- Không ngừng học hỏi, biết lắng nghe, tiếp thu ý kiến đóng góp để hoàn thiện bản thân, nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.
- Luôn đổi mới sáng tạo, làm việc có kế hoạch, tìm kiếm các giải pháp để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Tự hào về thành tích tập thể, đoàn kết hợp tác, đồng lòng vì mục tiêu chung, nhiệm vụ chung.

2.3. Khẩu hiệu: “*Gám vóc non sông, hào khí lạc hồng*”

2.4. Biểu tượng



VINATEX

- Biểu tượng của VINATEX lấy ý tưởng tạo hình là những dải lụa mềm mại. Biểu tượng cũng là sự kết hợp của 2 chữ V (Việt Nam) và chữ T (Textile). Hình elip xanh dương tượng trưng cho trái đất, thể hiện cho định hướng vươn ra, hội nhập với thị trường thế giới của VINATEX. Hình elip bao quanh biểu tượng chữ “VT” còn thể hiện tinh thần đoàn kết, thống nhất của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn.
- Dòng chữ “VINATEX” được thiết kế theo kiểu chữ Arial Black mạnh mẽ thể hiện cho thế đứng vững chắc của VINATEX trên thị trường.

- Biểu tượng sử dụng màu xanh dương đậm, thể hiện tính truyền thống, sang trọng mang lại cảm giác ổn định, đáng tin cậy của thương hiệu VINATEX.

3. Các sự kiện nổi bật

Quá trình hình thành và phát triển của VINATEX gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển ngành dệt may Việt Nam. VINATEX luôn giữ vị trí nòng cốt, đóng góp đáng kể vào sự phát triển của ngành.

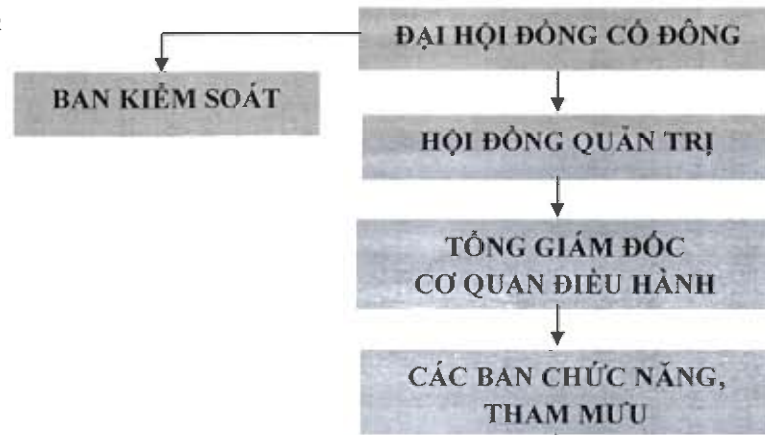
Các mốc phát triển cụ thể:

- Tháng 4 năm 1995: Tổng Công ty Dệt May Việt Nam tiền thân của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 253/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sáp nhập các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Dệt Việt Nam và Liên hiệp Sản xuất - Xuất nhập khẩu May.
- Tháng 6 năm 2000: Tổng Công ty Dệt May Việt Nam vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng phần thưởng cao quý: Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2000 theo Quyết định số 222/KT-CTN ngày 08/6/2000.
- Tháng 10 năm 2005: Tổng Công ty Dệt May Việt Nam nhận Huân chương Hồ Chí Minh năm 2005 theo Quyết định số 1240/QĐ-CTN ngày 11/10/2005 của Chủ tịch nước.
- Tháng 12 năm 2005: Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Tổng Công ty Dệt May Việt Nam và các đơn vị thành viên tại “Đề án thí điểm thành lập Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 314/2005/QĐ-TTg ngày 02/12/2005, cùng ngày Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng được thành lập theo Quyết định số 316/2005/QĐ-TTg.
- Tháng 5 năm 2010: Tập đoàn Dệt May Việt Nam vinh dự nhận Huân chương Sao vàng năm 2010 của Chủ tịch nước theo Quyết định số 546/QĐ-CTN ngày 05/5/2010.
- Tháng 6 năm 2010: Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 25/06/2010 về việc chuyển Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VINATEX) thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu.
- Tháng 2 năm 2013: Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 8/2/2013 về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Dệt May Việt Nam giai đoạn 2013-2015.
- Tháng 10 năm 2013: Chính phủ ban hành Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 9/10/2013 về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

- Tháng 5 năm 2014: Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 06 tháng 05 năm 2014 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
- Tháng 9 năm 2014: Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện thành công bán cổ phần lần đầu ra công chúng vào ngày 22/9/2014.
- Tháng 1 năm 2015: Tập đoàn Dệt May Việt Nam tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu ngày 08/01/2015 và được Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần vào ngày 29/01/2015.
- Tháng 12 năm 2015: Tập đoàn Dệt May Việt Nam vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng lao động theo Quyết định số 2688/QĐ-CTN ngày 02/12/2015 của Chủ tịch nước.
- Tháng 3 năm 2016: Tập đoàn Dệt May Việt Nam thành lập Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt may Miền Bắc theo Quyết định số 203/QĐ-TĐDMVN, thành lập Công ty TNHH tổng Công ty Dệt may Miền Nam theo Quyết định số 206/QĐ-TĐDMVN.
- Tháng 8 năm 2016: Tập đoàn Dệt May Việt Nam triển khai dự án "Tur vắn Nâng cao năng lực Quản lý và Quản trị doanh nghiệp" với đơn vị tư vấn E&Y Việt Nam.
- Tháng 1 năm 2017: Cổ phiếu Tập đoàn Dệt May Việt Nam chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM với mã chứng khoán VGT.
- Tháng 5 năm 2017: Tập đoàn Dệt May Việt Nam được vinh danh trong Chương trình "Vinh quang Việt Nam năm 2017", là 1 trong 30 tổ chức tiêu biểu của cả nước trong 30 năm đổi mới nhờ thành tích đưa thương hiệu Việt Nam đến các thị trường trên thế giới.
- Tháng 10 năm 2018: Tập đoàn Dệt May Việt Nam được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đánh giá là 1 trong 10 doanh nghiệp đại chúng quy mô lớn thực hiện tốt công bố thông tin và minh bạch năm 2017 – 2018.
- Tháng 10 năm 2019: Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành Đề tài cấp nhà nước "Nghiên cứu, đánh giá tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đối với ngành Dệt may Việt Nam nhằm đề xuất định hướng chiến lược, chính sách và các giải pháp phát triển trong giai đoạn 2019-2030".

4. Thông tin về tổ chức và nhân sự

4.1. Sơ đồ tổ chức



KHỐI CƠ QUAN TRUYỀN THÔNG	KHỐI NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO	KHỐI ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC	KHỐI CÔNG TY TNHH MTV	KHỐI ĐƠN VỊ CHI PHỐI (>50%)	KHỐI ĐƠN VỊ LIÊN KẾT (<50%)
<ol style="list-style-type: none"> 1. Tạp chí Dệt May và Thời Trang Việt Nam 2. Tạp chí Mốt 3. www.vinatex.com.vn 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội 2. Trường CĐ Công nghiệp Dệt – may Nam định 3. Trường CĐ KTKT Vinatex TP Hồ Chí Minh 4. Trung tâm Y tế - Bệnh viện Dệt may 	<ol style="list-style-type: none"> 1. CN TĐDMVN tại TP Hồ Chí Minh 2. CN TĐDMVN – NM Sợi Phú Cường 3. CN TĐDMVN – NM Sợi Nam Định 4. CN TĐDMVN – Nhà máy May Quế Sơn 5. CN TĐDMVN – Trung tâm Thời trang Vinatex 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty TNHH Tổng Công ty DM Miền Bắc - Vinatex 2. Công ty TNHH Tổng Công ty DM Miền Nam - Vinatex 3. Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân 4. Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tổng Công ty CP Dệt may Hòa Thọ 2. Tổng Công ty CP Phong Phú 3. Công ty CP Dệt May Huế 4. Công ty CP Sợi Phú Bài 5. Tổng Công ty CP Dệt may Nam Định 6. Công ty CP Sản xuất xuất nhập khẩu Dệt May 7. Công ty TNHH SXKD Nguyên liệu Dệt may Việt Nam 8. Công ty CP Phát triển Hạ tầng Dệt may Phố Nối 9. Công ty CP Vinatex Phú Hưng 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tổng Công ty May 10 – CTCP 2. Tổng Công ty CP May Việt Tiến 3. Tổng Công ty Đức Giang – CTCP 4. Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP 5. Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP 6. Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP 7. Công ty CP May Hữu Nghị 8. CTCP - Tổng Công ty May Đồng Nai 9. Công ty CP May Bình Minh 10. Công ty CP May Nam Định 11. CTCP TCT May Đáp Cầu 12. Công ty CP ĐT phát triển Vinatex

4.2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Cơ quan Điều hành

4.2.1. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý của Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và/hoặc quyết định các công việc khi được ĐHĐCĐ giao. HĐQT hiện tại gồm 05 thành viên.

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Tập đoàn	Ghi chú
1	Trần Quang Nghị	Chủ tịch HĐQT	
2	Lê Tiến Trường	Thành viên HĐQT - TGD	
3	Đặng Vũ Hùng	Thành viên HĐQT - PTGD	
4	Phạm Phú Cường	Thành viên HĐQT - PTGD	
5	Lê Khắc Hiệp	Thành viên HĐQT	

ÔNG TRẦN QUANG NGHỊ

Chủ tịch HĐQT

Ông Trần Quang Nghị được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị vào tháng 01/2015. Chủ tịch Trần Quang Nghị có hơn 35 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May, là một người trưởng thành từ thực tế, hiểu biết sâu sắc và toàn diện về ngành dệt may. Trước khi tham gia quản lý, điều hành tại Tập đoàn, ông Trần Quang Nghị là Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phong Phú - một đơn vị hàng đầu của ngành dệt may Việt Nam. Ông Trần Quang Nghị là người quản lý đầy nhiệt huyết, quyết liệt trong quản trị và điều hành, là người đưa ra định hướng, chiến lược và mục tiêu phát triển của Tập đoàn.

Ông Trần Quang Nghị đã được nhận nhiều bằng khen, huân chương của Đảng và Nhà nước trao tặng.

ÔNG LÊ TIẾN TRƯỜNG

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông Lê Tiến Trường được bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ tháng 01/2015. Ông Lê Tiến Trường có hơn 20 năm làm việc trong ngành Dệt May Việt Nam và có hơn 10 năm công tác tại Tập đoàn, từng giữ các chức vụ Giám đốc Điều hành, Phó Tổng Giám đốc Thường trực, Thành viên Hội đồng Thành viên - Tổng Giám đốc trước khi Tập đoàn được cổ phần hóa.

Ông Lê Tiến Trường: kỹ sư cơ khí, thạc sỹ quản trị nhân lực, từng tu nghiệp sau đại học tại INSEAD (Pháp), Ashridge (Anh), AIT (Thái Lan), Havard (Mỹ), là người được đào tạo bài bản, chuyên sâu, đặc biệt là về quản trị doanh nghiệp. Ông là người

quản lý có tầm nhìn, tư duy chiến lược, khả năng nắm bắt, nhận định vấn đề và đưa ra các quyết định chỉ đạo sáng suốt trong quản lý và điều hành Tập đoàn.

ÔNG ĐẶNG VŨ HÙNG

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ông Đặng Vũ Hùng 20 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May, là người được đào tạo chuyên sâu về ngành Dệt May với học vị Tiến sỹ Công nghệ Dệt. Ông đã đảm nhiệm các chức vụ GD nhà máy Sợi OE-Công ty Dệt Phong Phú, Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Dệt may Miền Bắc – Vinatex, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Quốc tế Phong Phú, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Dệt 8-3, v.v.

ÔNG PHẠM PHÚ CƯỜNG

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Phú Cường là Thạc sỹ Kinh tế, với trên 20 năm kinh nghiệm và gắn bó với ngành Dệt May. Ông đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như GĐĐH Công ty CP May Nhà Bè, Phó TGD, TGD và Chủ tịch Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP, Chủ tịch HĐQT TCT Dệt May Miền Nam - Vinatex.

ÔNG LÊ KHẮC HIỆP

Thành viên HĐQT

Ông Lê Khắc Hiệp hiện là Phó CT HĐQT Tập đoàn Vingroup - Công ty CP. Ông tốt nghiệp trường Đại học Tổng hợp Kharkov – Ucraina (Liên Xô cũ) với học vị Tiến sỹ vật lý. Ông gia nhập Vingroup năm 2004 và giữ nhiều vị trí quan trọng như Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vincom, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Vincom.

4.2.2. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát (BKS) được bầu bởi ĐHĐCĐ của Tập đoàn và hiện có 05 thành viên.

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Tập đoàn
1	Nguyễn Thị Minh Hiền	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Phan Thanh Sơn	Thành viên Ban Kiểm soát
4	Lê Thị Ánh Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát
5	Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên Ban Kiểm soát

BÀ NGUYỄN THỊ MINH HIỀN

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Minh Hiền là Cử nhân Kinh tế tại trường Đại học Tài chính Kế toán, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán. Bà từng đảm nhận

nhiều vị trí quan trọng tại Tập đoàn Việt Nam như: Phó Trưởng ban Tài chính - Kế toán Tổng Công ty Dệt May Việt Nam (nay là Tập đoàn Dệt May Việt Nam), Trưởng Ban Pháp chế, Trưởng Ban Tổng hợp Pháp chế Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

BÀ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Kim Dung tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc Dân. Bà có nhiều năm giữ những vị trí công tác gắn liền với lĩnh vực tài chính kế toán như: Trưởng phòng Kế toán Công ty May Đức Giang (nay là Tổng Công ty Đức Giang - CTCP), Kế toán trưởng Công ty CP May Hồ Gươm, Phó Trưởng Ban Kiểm soát, Phó Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

ÔNG PHAN THANH SƠN

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Phan Thanh Sơn tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế Tài chính, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính. Ông từng đảm nhận các vị trí: Trưởng ban kiểm toán nội bộ, Ủy viên Ban kiểm soát Tổng công ty Dệt May Việt Nam, Kế toán trưởng Công ty Len Việt Nam, Phó Ban Tài chính Kế toán, Phó Ban Kiểm soát nội bộ Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

BÀ LÊ THỊ ÁNH NGỌC

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Ánh Ngọc tốt nghiệp Cử nhân Quản trị Kinh doanh và từng đảm nhận nhiều vị trí công tác như: Phó Ban KD BĐS kiêm GD sản giao dịch BĐS Nam Cường - Tập đoàn Nam Cường, Trưởng ban Tiếp nhận và Bàn giao BĐS kiêm Phó Ban KD BĐS - Tập đoàn Vingroup, Giám đốc Phát triển Dự Án, Giám đốc điều hành Tổng Công ty CP Phong Phú.

BÀ NGUYỄN THỊ THANH HÀ

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà hiện là Chuyên viên Ban Tài chính – Tập đoàn Vingroup - Công ty CP. Bà tốt nghiệp Cử nhân ngành Kế toán chuyên ngành Kiểm toán. Bà Nguyễn Thị Thanh Hà có gần 10 năm công tác tại các doanh nghiệp như: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Công ty TNHH MTV VTC Công nghệ và nội dung số, Tập đoàn Vingroup - Công ty CP.

4.2.3. Cơ quan Điều hành

Cơ quan điều hành (CQĐH) thực hiện điều hành hoạt động kinh doanh theo mục tiêu, kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt. CQĐH của Tập đoàn bao gồm 01 Tổng Giám đốc cùng với một số Phó Tổng Giám đốc, một số Giám đốc Điều hành và một Kế toán trưởng.

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Tập đoàn	Ghi chú
1	Lê Tiến Trường	TV. HĐQT – Tổng Giám đốc	
2	Đặng Vũ Hùng	TV. HĐQT – Phó Tổng Giám đốc	
3	Phạm Phú Cường	TV. HĐQT – Phó Tổng Giám đốc	
4	Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc	
5	Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	
6	Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	
7	Phạm Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc	
8	Lê Mạc Thuần	Phó Tổng Giám đốc	
9	Cao Hữu Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2020
10	Nguyễn Đức Trị	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2020
11	Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành kiêm GD TT Đào tạo CBQL doanh nghiệp dệt may	

ÔNG LÊ TIẾN TRƯỜNG

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

(Thông tin chi tiết xem tại Mục 4.2.1 Hội đồng quản trị – Trang 8).

Ông Đặng Vũ Hùng

(Thông tin chi tiết xem tại Mục 4.2.1 Giới thiệu Hội đồng quản trị – Trang 9)

Ông Phạm Phú Cường

(Thông tin chi tiết xem tại Mục 4.2.1 Giới thiệu Hội đồng quản trị – Trang 9)

Ông Lê Trung Hải - Phó Tổng giám đốc: kỹ sư chuyên ngành dệt, kỹ sư hóa nhuộm, là người trưởng thành từ thực tiễn quản lý và điều hành doanh nghiệp với gần 40 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May. Ông từng giữ nhiều vị trí quan trọng như: Giám đốc Nhà máy Dệt - Công ty Dệt Phong Phú, Phó TGD Công ty Dệt Phong Phú, TGD Công ty Dệt Phước Long, GĐĐH Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Bà Phạm Nguyên Hạnh - Phó Tổng giám đốc: cử nhân tài chính, Thạc sỹ QTKD có gần 30 năm công tác trong ngành Dệt May và từng giữ nhiều vị trí quan trọng như: Kế toán trưởng, GĐĐH, Phó TGD Công ty May Đức Giang, Trưởng Ban TCKT, Kế toán trưởng, GĐĐH Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Ông Nguyễn Đức Khiêm - Phó Tổng giám đốc: kỹ sư chuyên ngành dệt, là người có nhiều năm gắn bó và có kinh nghiệm gần 40 năm trong ngành Dệt May. Ông

từng giữ nhiều vị trí quan trọng như: Phó TGD Tổng công ty Việt Thắng, Chủ tịch HĐQT – TGD Tổng công ty Việt Thắng, GĐĐH Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Ông Phạm Văn Tân – Phó Tổng giám đốc: là người được đào tạo bài bản, chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính với học vị Thạc sỹ tài chính và có hơn 20 năm gắn bó với ngành Dệt May. Ông từng giữ nhiều vị trí quan trọng như Phó phòng Kế toán Công ty May Đức Giang; Phó Ban Tài chính Kế toán, Trưởng Ban Tài chính Kế toán, Giám đốc điều hành kiêm Kế toán trưởng Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Ông Lê Mạc Thuấn – Phó Tổng giám đốc: Ông có hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May với trình độ chuyên môn là Thạc sỹ Quản trị kinh doanh. Ông đã đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như TGD Xí nghiệp May Sông Tiền, GĐĐH Công ty May Nhà Bè, Phó TGD Tổng công ty May Nhà Bè, Giám đốc điều hành Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Ông Cao Hữu Hiếu – Phó Tổng Giám đốc: là người được đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực dệt may với học vị Thạc sỹ Công nghệ Dệt May với gần 20 năm công tác trong ngành Dệt May. Ông đã đảm nhận nhiều vị trí quan trọng tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên như: Giám đốc Trung tâm xử lý nước thải Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối, Chủ tịch HĐQT Công ty CP May Nam Định, Phó Ban Kỹ thuật Đầu tư Tập đoàn, Trưởng Ban Kỹ thuật Đầu tư, Giám đốc điều hành Tập đoàn.

Ông Nguyễn Đức Trị - Phó Tổng Giám đốc: có trình độ chuyên môn Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh với 25 năm công tác trong ngành Dệt May. Ông đã đảm nhận nhiều vị trí quan trọng trong các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn như Trưởng phòng KD Xuất nhập khẩu Chi nhánh Vinatex Đà Nẵng; Giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, Tổng giám đốc, Chủ tịch HĐQT TCTy CP Dệt May Hòa Thọ, Giám đốc điều hành Tập đoàn.

Ông Nguyễn Khánh Sơn - Giám đốc điều hành: kỹ sư chuyên ngành sợi, Thạc sỹ Quản trị Doanh nghiệp với hơn 30 kinh nghiệm trong ngành Dệt May. Ông đã đảm nhận các vị trí quan trọng như Phó TGD Công ty Dệt May Hà Nội, TGD Tổng công ty CP Dệt May Hà Nội, Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Tổng công ty CP Dệt May Hà Nội.

5. Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính

5.1. Ngành sợi

- ❖ **Năng lực thiết kế:** 155.000 tấn/năm (quy đổi Ne30).
- ❖ **Mặt hàng:** Sợi pha TC, TR, CVC, sợi cotton, sợi cotton xe, sợi polyester, sợi dệt Ne 30/1-40/1, sợi CVCD, sợi CVCM, sợi 100% cotton chải thô/chải kỹ...
- ❖ **Thiết bị công nghệ:** Sợi được sản xuất trên dây chuyền công nghệ tiên tiến có xuất xứ từ Châu Âu, Nhật, Trung Quốc... Thiết bị đã đầu tư trong các dự án hiện nay chủ yếu được cung cấp bởi các hãng chế tạo danh tiếng trên thế giới với tính

tự động hóa cao, giúp cho việc kiểm soát chất lượng tốt hơn, tăng năng suất và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

5.2. Ngành vải

5.2.1. Vải dệt thoi

- ❖ **Năng lực thiết kế:** 170 triệu mét vuông/năm.
- ❖ **Thiết bị công nghệ:**
 - Máy dệt được nhập chủ yếu từ Nhật Bản, trong đó máy dệt khí chiếm tỉ trọng lớn (khoảng 80%). Máy dệt khí của hãng Toyota được đánh giá cao do tốc độ và hiệu suất máy cao (vận tốc trung bình 1000 vòng/phút), dễ thao tác, độ bền cao, phù hợp với điều kiện môi trường khí hậu tại Việt Nam.
 - Máy mắc và máy hồ hiện nay nhập chủ yếu từ Trung Quốc và Đài Loan, với trình độ công nghệ tiên tiến, giúp rút ngắn thời gian chuẩn bị dệt, tăng năng suất chất lượng sản phẩm.
 - Máy nhuộm trong các dự án được đầu tư được nhập chủ yếu từ châu Âu và châu Á và được cung cấp bởi các hãng Thies-Đức, Fong's - Hongkong.

5.2.2. Vải dệt kim

- ❖ **Năng lực thiết kế:** 15.000 tấn/năm.
- ❖ **Thiết bị công nghệ:** Dây chuyền sản xuất với công nghệ tiên tiến, được nhập chủ yếu từ Châu Âu, Đài Loan, Nhật Bản...do các hãng chế tạo có uy tín cung cấp (Máy dệt kim: Mayer Cie-Đức, Terrot-Đức, Fukuhara-Nhật, Fukahama-Đài Loan, Junnlong-Đài Loan; Máy nhuộm: Thies-Đức, Fong's – Hongkong).

5.3. Ngành May

- ❖ **Năng lực thiết kế:** 350 triệu sản phẩm/năm.
- ❖ **Thiết bị công nghệ:** Công nghệ thiết bị hiện đại, được nhập chủ yếu từ Châu Âu, Nhật và Mỹ (Juki-Nhật, Brother-Nhật, Kansai-Nhật, Durkopp Adler-Đức, Gerber-Mỹ).

III/ Tình hình hoạt động năm 2019, đánh giá nhiệm kỳ 2015-2020, định hướng nhiệm kỳ 2020-2025

1. Báo cáo hoạt động và đánh giá của Hội đồng quản trị (HĐQT)

1.1. Tình hình hoạt động của HĐQT năm 2019, nhiệm kỳ 2015-2020

Trong nhiệm kỳ 2015-2020, HĐQT tổ chức giám sát và chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua 42 phiên họp HĐQT. Theo đó, tình hình tham dự của các thành viên HĐQT cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự 2019	Số buổi họp HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020	Tỷ lệ tham dự họp
1	Trần Quang Nghị	Chủ tịch HĐQT	08/01/2015	11	42/42	100%
2	Lê Tiến Trường	TV HĐQT kiêm TGD	08/01/2015	11	42/42	100%
3	Đặng Vũ Hùng	TV HĐQT	08/01/2015	11	42/42	100%
4	Phạm Phú Cường	TV HĐQT	08/01/2015	11	42/42	100%
5	Lê Khắc Hiệp	TV HĐQT	08/01/2015	11	41/42	97,6%
6	Lê Đình Ngọc	TV HĐQT	08/01/2015	0	28/31	90,3%
7	Đon Di Lam	TV HĐQT	08/01/2015	0	18/31	58%

Ghi chú:

- Ông Đon Di Lam - nguyên thành viên HĐQT Vinatex đã có đơn xin từ nhiệm TV HĐQT từ ngày 29/01/2018 và được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua.
- Ông Lê Đình Ngọc - nguyên thành viên HĐQT Vinatex đã có đơn xin từ nhiệm TV HĐQT từ ngày 2/4/2018 và được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua.

Trong nhiệm kỳ 2015-2020, HĐQT đã thực hiện đúng Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn: thực hiện 42 phiên họp HĐQT và ban hành 135 Nghị quyết (năm 2019 là 11 phiên họp HĐQT và 17 Nghị quyết) để định hướng, giao nhiệm vụ và chỉ đạo Cơ quan điều hành nhằm thực hiện tốt Nghị quyết ĐHĐCĐ nhiệm kỳ 2015-2020, trong đó có một số nội dung chính như sau:

- Nâng cao năng lực quản lý và quản trị doanh nghiệp Tập đoàn về tài chính, đầu tư, thị trường, kiểm soát và quản trị rủi ro.
- Sắp xếp bộ máy tổ chức và hoạt động thông qua việc thành lập các Tổng Công ty dệt may, chi nhánh Tập đoàn.

- Thông qua công tác thoái vốn, chuyển nhượng vốn, vay vốn để tái cơ cấu Tập đoàn, nâng cao khả năng tự doanh tài chính Tập đoàn.
- Hỗ trợ đơn vị thành viên Tập đoàn trong công tác thu xếp vốn vay, cấp vốn chủ, kiểm soát chi phí vốn ở mức thấp.
- Tập trung sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác khai thác các dự án đầu tư, đất đai văn phòng của Tập đoàn.
- Hỗ trợ các đơn vị thành viên đầu tư mở rộng và hiện đại hóa may móc thiết bị, thực hiện tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí sản xuất và vận hành.
- Thông qua vấn đề về nhân sự cấp cao: thông qua đơn từ chức thành viên HĐQT đối với ông Don Di Lam và ông Lê Đình Ngọc, bổ nhiệm Phó tổng giám đốc Tập đoàn với ông Lê Mạc Thuấn, ông Phạm Văn Tân, ông Cao Hữu Hiếu và ông Nguyễn Đức Trị.
- Thông qua việc phân cấp ủy quyền của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc Vinatex về các nội dung đầu tư, tài chính, công tác cán bộ, trả lời người đại diện vốn tại đơn vị thành viên theo ý kiến của SCIC và quy định pháp luật.

1.2. Hoạt động giám sát Tổng Giám đốc

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc trong nhiệm kỳ 2015-2020 được thể hiện một cách chặt chẽ, định kỳ như sau:

- Thường trực HĐQT tăng cường giao ban với HĐQT Tập đoàn để cập nhật trao đổi đánh giá các việc đã triển khai, để cùng đẩy nhanh tiến độ, chỉ đạo xuyên suốt, hỗ trợ nhanh chóng kịp thời và hiệu quả công việc.
- Đôn đốc, giám sát và hậu kiểm với Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện, triển khai các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị và có những điều chỉnh kịp thời khi xảy ra vướng mắc.
- Tăng cường chế độ báo cáo và đánh giá hàng tháng của Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh các đơn vị mà Tập đoàn có vốn, về giải pháp quản lý để tăng cường về cán bộ, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường việc phân cấp ủy quyền của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc Vinatex về đầu tư, tài chính, công tác cán bộ... tăng tính chủ động, linh hoạt, đảm bảo hiệu quả, nhanh gọn, đúng pháp luật trong việc triển khai nhiệm vụ của HĐQT.

1.3. Đánh giá kết quả hoạt động của Tập đoàn năm 2019

Năm 2019 là năm khó khăn đối với ngành dệt may, đặc biệt với ngành sản xuất sợi do ảnh hưởng lớn từ cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung. Các đơn vị Sợi trong Tập đoàn cũng không ngoại lệ do thị trường bị thu hẹp, đặc biệt thị trường Trung Quốc. Giá

bông, sợi biến động bất thường, giá bán nhiều khi giảm hơn giá thành dẫn đến lợi nhuận của các đơn vị sợi sụt giảm so với năm trước, nhiều đơn vị lỗ.

Tuy nhiên, kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp may vẫn tốt, đạt kế hoạch giao và tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước, đã bù đắp phần nào sự sụt giảm của ngành sợi.

Theo đó, doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn bằng 99,5% so với cùng kỳ, đạt 90,8% so với kế hoạch, lợi nhuận hợp nhất tăng 0,5% so với cùng kỳ, đạt 91,2% so với kế hoạch. Cụ thể kết quả SXKD hợp nhất năm 2019 của Tập đoàn như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2018	TH 2019		So sánh 2019	
		KH	TH	TH/KH	so 2018
Doanh thu	20.246.631	22.185.000	20.139.042	90,8%	99,5%
Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	761.401	839.000	765.500	91,2%	100,5%
Tỷ suất LNTT/VCSH	9,56%	10,53%	9,68%		

1.4. Tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị năm 2019:

Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị thực hiện theo quyết nghị của ĐHĐCĐ đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

1.5. Định hướng hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025

1.5.1. Đặc điểm giai đoạn 2020-2025

Thế giới trở nên bất định hơn với xu thế toàn cầu hoá đan xen với bảo hộ trong nước: Nhiều quan điểm về chuỗi cung ứng và mô hình kinh doanh có những thay đổi mang tính bước ngoặt so với những quan điểm trong 5 năm qua. Hiện tượng dựng lại các hàng rào thuế quan, giảm đi các cam kết đa phương quay lại với các cam kết song phương, tiếp tục xây dựng các rào cản phi thuế quan nhất là các rào cản về môi trường sẽ là xu thế thường thấy của thời gian tới.

Cục diện kinh tế chính trị giữa các nước lớn phức tạp hơn, gia tăng các xung đột thương mại: Sự phục hồi của kinh tế Nga và trỗi dậy của Trung Quốc làm cục diện giữa các nước lớn ngày càng trở lên phức tạp hơn trong 10 năm tới. Đông Nam Á đang trở thành khu vực bị tranh giành ảnh hưởng nhiều nhất do đối đầu trực diện giữa Trung quốc và Mỹ. Mặc dù Mỹ đã thay đổi Chiến lược xoay trục sang châu Á, nhưng lại thay thế bằng Chiến lược Ấn Độ - Thái Bình Dương với vai trò ngày càng lớn của Ấn Độ trong việc kiềm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc.

Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 với sức mạnh của tự động hoá, robot hoá, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo sẽ tạo ra một làn sóng sắp xếp lại chuỗi sản xuất toàn cầu. Vấn đề cốt lõi là giá thành một đơn vị sản phẩm ngày càng thấp đi, nhưng công nghệ sẽ làm cho việc lựa chọn khu vực sản xuất trở nên phong phú hơn. Lợi thế về thời gian

cung cấp sản phẩm, dịch vụ và khả năng cá thể hoá từng sản phẩm theo nhu cầu của khách hàng sẽ là ưu tiên trong tiêu chí lựa chọn nhà cung ứng.

Với những **biến động bất ngờ về thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu**, khả năng tái bố trí tỷ lệ cung ứng từ các quốc gia sẽ được xem xét. Việc giảm phụ thuộc vào nguồn cung ứng của một trung tâm sản xuất quá lớn có giá thành thấp nhưng rủi ro cao nếu xảy ra các yếu tố bất định sẽ tạo cơ hội cho các quốc gia đi sau như Việt Nam có được một vị trí mới trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Với Việt Nam, việc **hiệp định EVFTA có hiệu lực** sẽ là động lực trong dài hạn (sau 5-7 năm thuế quan sẽ giảm hết về 0) cho sự tăng trưởng căn cơ của ngành dệt may trong đó có yếu tố đầu tư cho sản xuất nguyên liệu.

Thiếu hụt lao động theo mô hình sản xuất hiện nay sẽ là áp lực lớn lên các doanh nghiệp trong duy trì và mở rộng sản xuất. Tới hạn của mô hình sản xuất kinh doanh ngành dệt may hiện nay đã xuất hiện và sẽ báo hiệu một giai đoạn không tăng trưởng hoặc thoái trào của ngành dệt may Việt nam trước hết là về hiệu quả.

Sản xuất xanh, sử dụng tiết kiệm tài nguyên không tái tạo, nâng cao tỷ lệ sử dụng các nguyên, nhiên liệu sạch, tái chế được sẽ trở thành các tiêu chuẩn mới của thành viên chuỗi cung ứng.

1.5.2. Quan điểm chiến lược cho nhiệm kỳ 2020-2025

Sáng tạo (Innovation): với các đặc điểm tình hình mới, mô hình sản xuất kinh doanh hiện nay của Tập đoàn sẽ khó có cơ hội tiếp tục phát huy, tạo đà tăng trưởng mạnh mẽ trong nhiệm kỳ mới. Yêu cầu sáng tạo, đổi mới toàn diện trong hoạt động được đặt ra hết sức cấp bách, bao gồm nhưng không hạn chế trong các lĩnh vực sau:

- **Sáng tạo trong mô hình quản lý:** tập trung chuyển đổi số cho mô hình quản trị. Hình thành hệ thống quản trị số, đơn giản, với các chỉ tiêu hữu hiệu. Đo lường kịp thời hàng ngày quá trình sản xuất và kinh doanh. Tạo dữ liệu quản trị toàn tập đoàn để đối chiếu, so sánh, áp dụng giải pháp tốt nhất cho vận hành. Không có hạ tầng quản trị chung rất khó có thể triển khai hiệu quả, chi phí thấp các chương trình sản xuất theo chuỗi cung ứng. Nhưng lại là thách thức trong đầu tư ban đầu cho hệ thống do chưa thể có hiệu quả trong ngắn hạn. Sáng tạo trong quản trị cũng tạo môi trường làm việc mới, tạo động lực tốt hơn cho nhân lực của tập đoàn.
- **Sáng tạo trong mô hình kinh doanh:** mô hình kinh doanh trong 25 năm phát triển của tập đoàn dựa trên sản xuất gia công chiếm tỷ trọng cao của ngành may, tập trung ở nhiều đô thị lớn đã đi đến tới hạn của nó. Không có sáng tạo mới trong mô hình kinh doanh, ứng dụng nhanh các thành tựu của Cách mạng công nghiệp 4.0 thì chỉ với mô hình kinh doanh cũ, ngành dệt may nói chung sẽ thoái trào tại Việt nam.

- **Sáng tạo trong công nghệ và sản phẩm:** tạo ra sự khác biệt, để phát triển năng lực cạnh tranh mới, tránh cạnh tranh khốc liệt với sản phẩm hiện hữu.

Phát triển bền vững (sustainable): là xu thế chung của thế giới, trong đó dệt may là ngành trọng điểm về tiêu thụ nước trong trồng bông (lượng nước gần bằng 80% nước dùng cho sinh hoạt toàn cầu), và nhuộm hoàn tất; là tác nhân tiềm ẩn có thể gây ô nhiễm nước và khí thải. Các tiêu chuẩn mới về tiết kiệm nguồn tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo, sản phẩm có tính tái chế, sản xuất xanh sẽ càng trở nên phổ biến trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Cùng với nó là quy định pháp luật cũng sẽ chặt chẽ hơn, đặt các doanh nghiệp trước yêu cầu phải có chiến lược phát triển bền vững, và nó trở thành một trọng tâm của sản xuất dệt may. Hoạch định chiến lược phát triển bền vững để đảm bảo duy trì sản xuất liên tục, hướng tới các mục tiêu định lượng là yêu cầu bắt buộc với các doanh nghiệp. Một tầm nhìn mới cần xác lập với các dự báo dài hạn, do vậy rất cần sự chỉ đạo xuyên suốt từ tập đoàn. Thoát ly các chỉ tiêu tài chính thông dụng, xác lập các mục tiêu phi tài chính để trong dài hạn đem lại kết quả tài chính bền vững là thách thức rất lớn với mô hình và bộ máy quản trị hiện nay. Nhất là trong tư duy của chủ sở hữu, chấp nhận một bộ chỉ tiêu phát triển bền vững chưa thấy các lợi ích tài chính ngắn hạn, thậm chí còn gia tăng chi phí là điều không dễ dàng, đòi hỏi những người đại diện phải hoạch định được chi tiết lợi ích của chi phí cơ hội đó, tỷ suất thu hồi vốn đầu tư cho phát triển bền vững. Đã đến lúc, triển khai các mục tiêu chiến lược phi tài chính là nhiệm vụ của công ty mẹ tập đoàn, không còn là nhà đầu tư thu lợi nhuận tài chính tại các doanh nghiệp. Công ty mẹ phải hành động như là tổ chức chuyên nghiệp nhất, lãnh nghề nhất trong ngành dệt may.

Mua, Bán, tái cấu trúc DN (acquisition, divestment, restructure): với đặc thù được thành lập trên cơ sở rất nhiều doanh nghiệp có sẵn ở cả trung ương và địa phương, với nhiều quy mô, công nghệ, sản phẩm, thị trường khác nhau. 25 năm qua, tập đoàn đã trải qua nhiều đợt cấu trúc lại doanh nghiệp, thoái vốn, sáp nhập, về cơ bản đã tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất dệt may. Tuy nhiên quá trình này mới chỉ rà soát đơn giản trên cơ sở rút khỏi kinh doanh ngoài ngành và hiệu quả tài chính doanh nghiệp. Trong giai đoạn mới, quá trình tái cấu trúc hệ thống doanh nghiệp của tập đoàn cần đặt trên cơ sở chiến lược phát triển bao gồm không chỉ thoái vốn mà còn cả mua thêm vốn, mua thêm doanh nghiệp, đầu tư doanh nghiệp mới vào những khâu còn thiếu trong chiến lược phát triển. Danh mục tái cấu trúc sẽ phải xác định từ tiêu chuẩn chiến lược các đơn vị cần thoái, các lĩnh vực cần mua vốn, mua thêm doanh nghiệp, hoặc đầu tư hình thành doanh nghiệp mới.

Đầu tư trong giai đoạn mới bao hàm cả đầu tư cho hoạt động nghiên cứu phát triển là đột phá trong tạo sự khác biệt của tập đoàn và là sự điều chỉnh chiến lược từ phát triển chiều rộng lấy ngành may làm trung tâm sang lấy công nghệ làm trung tâm. Chuyển từ sở hữu vốn thông thường sang tập đoàn sở hữu công nghệ sản xuất, công nghệ quản lý, thị trường và nhân lực ưu việt nhất trong ngành dệt may.

Tóm lại, giai đoạn mới 2020-2025 thực sự là một giai đoạn bản lề trong xác định và điều chỉnh chiến lược của tập đoàn. Các áp lực từ bên ngoài không còn chỉ là cạnh tranh về giá là chủ yếu như 10 năm trước, mà là cạnh tranh bằng công nghệ dẫn tới người không theo kịp sẽ bị bỏ lại như những công nhân dệt thủ công trước áp lực của máy dệt hơi nước của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 1 thế kỷ 18. Nguy cơ bị bỏ rơi vì công nghệ và cả sự sắp xếp phân bổ chuỗi cung ứng toàn cầu với các chuẩn mực mới cho cộng đồng đòi hỏi tư duy chiến lược thận trọng, tính toán bước đi kỹ lưỡng, nhưng lại phải nhanh vì tốc độ của thay đổi là rất lớn. Chưa bao giờ vòng đời của doanh nghiệp lại có thể ngắn như điều kiện hiện nay, cũng như chưa rõ hình hài tác động của cách mạng công nghiệp 4.0, đã đâu đó thấy các tín hiệu và khái niệm của một cuộc cách mạng 5.0 mới. Ba trụ cột chiến lược mới chỉ là phác thảo về các khía cạnh cần quan tâm, đẩy mạnh trong tập đoàn nhằm hướng về một chiến lược phát triển bền vững hơn, là cơ hội gây dựng mới năng lực cạnh tranh của cả tập đoàn.

2. Báo cáo đánh giá của Ban Kiểm soát (BKS)

2.1. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công tác theo dõi và giám sát hoạt động của HĐQT, CQĐH Tập đoàn, kiểm tra hoạt động SXKD của Công ty Mẹ Tập đoàn, các doanh nghiệp 100% vốn Tập đoàn, các chi nhánh của Tập đoàn, các Tổng Công ty và một số đơn vị Tập đoàn có vốn trên 51%. Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp có đầy đủ các thành viên tham gia, nội dung các cuộc họp là thông qua Báo cáo tại ĐHĐCĐ năm 2019, Báo cáo 6 tháng, 9 tháng năm 2019 và báo cáo năm tại ĐHĐCĐ năm 2020, các cuộc họp đều lập biên bản và từng thành viên thông qua và thống nhất ký tên.

Quá trình thực hiện kiểm soát đảm bảo tính trung thực và cẩn trọng, đạo đức nghề nghiệp, không cản trở đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

2.2. Báo cáo thù lao của Ban Kiểm soát

Thù lao của Ban Kiểm soát thực hiện đúng theo quyết nghị của ĐHĐCĐ đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

2.3. Về việc giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở các nội dung đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, HĐQT đã ban hành 17 Nghị quyết với các nội dung nằm trong thẩm quyền của Hội đồng quản trị,

HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của CQĐH trong việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT qua các báo cáo thường kỳ, thường niên của CQĐH và các báo cáo trong các phiên họp HĐQT của Tổng Giám đốc Tập đoàn và các báo cáo hàng quý, năm của Ban Kiểm soát Tập đoàn.

2.4. Về việc giám sát hoạt động của Cơ quan điều hành

2.4.1. Về kết quả sản xuất kinh doanh công ty mẹ:

Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, CQĐH Tập đoàn đã nghiêm túc thực hiện, triển khai các biện pháp để thực hiện chỉ đạo của HĐQT nhằm thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra, kết quả như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2018	TH 2019		So sánh 2019	
		KH	TH	TH/KH	So 2018
1. Doanh thu	1.489,978	1.356.520	1.397.393	103%	93,8%
2. Chi phí	1.144.601		1.103.592		96,4%
3. Lợi nhuận sau thuế	345.377	380.590	293.801	77,2%	85,06%
4. Cổ tức	6%	6%	5%	83,3%	83,3%

Năm 2019 là năm khó khăn đối với ngành dệt may, đặc biệt với ngành sản xuất sợi do ảnh hưởng lớn từ cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung làm thị trường bị thu hẹp và giá bông biến động bất thường nên giá thành nhiều lúc cao hơn giá bán do vậy hoạt động sản xuất kinh doanh có kết quả thực hiện thấp hơn các năm trước, doanh thu so với kế hoạch tăng 3%, lợi nhuận so với kế hoạch đạt 77,2% và bằng 85,06% so với năm 2018, cổ tức giảm 1% so với kế hoạch và năm 2018. Kết quả trên đã thể hiện sự chỉ đạo quyết liệt của HĐQT và các giải pháp khả thi của Tổng giám đốc đối với các đơn vị sản xuất sợi bị ảnh hưởng trực tiếp và các đơn vị khác nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh và Tập đoàn cũng tăng cường công tác quản trị và kịp thời có các giải pháp cho các đơn vị còn khó khăn.

Tuy nhiên trong sự cố gắng của các đơn vị để hoàn thành kế hoạch năm 2019, vẫn còn các đơn vị tiếp tục nhiều năm không có hiệu quả như: Cty CP SX-XNK Dệt May, Cty TNHH SXKD nguyên liệu Dệt May, TCT Miền Bắc, và chi nhánh thuộc Tập đoàn như sợi Phú Cường, Sợi Nam Định, đơn vị còn lỗ lũy kế như TCT Miền Nam.

2.4.2. Về kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2018	TH 2019		So sánh 2019	
		KH	TH	TH/KH	so 2018
Doanh thu	20.246.631	22.185.000	20.139.042	90,8%	99,5%
Lợi nhuận trước thuế	761.401	839.000	765.500	91,2%	100,5%

2.4.3. Về tình hình tài chính:

Một số chỉ tiêu tài chính tại Báo cáo tài chính riêng của Cty Mẹ Tập đoàn:

- Tổng tài sản, nguồn vốn là 8.940,086 tỷ đ giảm 0,67% so với năm 2018, cụ thể:

- Nợ vay dài hạn 2.087,355 tỷ đ giảm 6,43% so với năm 2018 do không tăng vay dài hạn mà đã trả nợ để giảm nợ vay
- Vốn chủ sở hữu 5.909,477 tỷ đ giảm 0,27% so với năm 2018 do lợi nhuận chưa phân phối năm 2019 thấp hơn năm 2018.
- Hiệu quả sử dụng vốn: Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ là 4,97% giảm 0,86% so với năm 2018
- Tỷ lệ nợ/vốn chủ là 0,5
- Tình hình tài chính hiện đang trong tầm kiểm soát.

Về công nợ:

Tổng nợ phải thu: 2.902,555 tỷ đồng, trong đó phải thu ngắn hạn là 1.210,857 tỷ đồng, và phải thu dài hạn là 1.691,698 tỷ đồng, trong đó có khoản phải thu cho vay từ nguồn ADB là 1.336,964 tỷ đồng;

Tổng nợ phải trả: 3.002,269 tỷ đồng, trong đó nợ phải trả ngắn hạn là 0,915 tỷ đồng và nợ phải trả dài hạn là 2.087,355 tỷ đồng, trong đó có khoản phải trả dài hạn từ nguồn ADB 1.625,777 tỷ đồng.

2.4.4. Về đầu tư:

Năm 2019 Tập đoàn triển khai đầu tư dự án mới là nhà máy sợi II tại Chi nhánh Sợi Nam Định, tuy nhiên đang đầu tư giai đoạn đầu thì thị trường có sự giảm sút do chiến tranh thương mại Mỹ Trung nên hiện đang tạm dừng.

Về quyết toán các dự án đầu tư hoàn thành: HĐQT đã phê duyệt quyết toán 9/10 dự án hoàn thành, còn 1 dự án đang trong quá trình kiểm toán để trình phê duyệt là May Quế Sơn.

Lưu ý trong công tác đầu tư: cần tăng cường công tác khảo sát: thị trường, địa điểm, nguồn nhân lực, môi trường, công nghệ...tính toán, thẩm định, chuẩn bị nguồn nhân lực...thật tốt trước khi quyết định đầu tư, khi đầu tư cần giám sát chất lượng công trình đầu tư... nhằm đạt hiệu quả vốn đầu tư theo dự án đã xây dựng.

Về thoái vốn đầu tư: Trong năm 2019 Công ty Mẹ Tập đoàn đã thoái vốn tại Công ty Len Việt nam và một phần tại Công ty CP bông Việt Nam, kết quả đem lại cho Công ty Mẹ lãi gần 24 tỷ đồng.

2.4.5. Về việc giám sát Báo cáo tài chính riêng của Công ty Mẹ Tập đoàn

Kết quả kiểm tra không thay đổi so với Báo cáo đã kiểm toán: Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31/12/2019; kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp

với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.5. Báo cáo đánh giá của BKS nhiệm kỳ 2015-2020

Là nhiệm kỳ đầu tiên hoạt động theo loại hình công ty cổ phần có nhiều sự thay đổi so với loại hình công ty TNHH một thành viên do Nhà nước quản lý, Hội đồng quản trị và cơ quan điều hành Tập đoàn đã có những chủ trương, giải pháp, chỉ đạo kịp thời, thiết thực và hiệu quả đối với Công ty Mẹ Tập đoàn và các đơn vị có vốn đầu tư của Tập đoàn nhằm hoàn thành nhiệm vụ Nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra. Kết quả thực hiện từng năm đã được báo cáo tại các ĐHĐCĐ tuy chưa được cao so với kỳ vọng nhưng đã thể hiện sự nỗ lực của HĐQT, cơ quan điều hành Tập đoàn nên đã giữ được sự ổn định về tài chính và có tăng trưởng so với cùng kỳ, tuy vẫn còn một số các khoản đầu tư vào các đơn vị nhiều năm không hiệu quả cần có giải pháp khả thi để giảm thiểu rủi ro từ những khoản đầu tư này.

2.5.1. Về việc thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ trong nhiệm kỳ 2015-2020.

Về kết quả SXKD: cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu ĐHĐCĐ đề ra, cụ thể:

- Về doanh thu: năm 2015, 2016 chưa đạt kế hoạch, các năm 2017, 2018, 2019 đều đạt và vượt kế hoạch.
- Về lợi nhuận: các năm đều chưa đạt kế hoạch, riêng năm 2018 vượt 13%.
- Về cổ tức: đều đạt kế hoạch cổ tức đề ra, riêng năm 2019 kế hoạch chia 6% nhưng dự kiến chia 5%.

Nguyên nhân chủ yếu do khi lập kế hoạch SXKD cho các năm, Tập đoàn kỳ vọng vào lợi ích từ các Hiệp định thương mại tự do như TPP, EVFTA. Tuy nhiên, Mỹ rút khỏi Hiệp định TPP vào tháng 1/2017 nên chỉ còn 11 nước ký hiệp định mới là CPTPP; hiệp định EVFTA khởi động từ năm 2010 nhưng đến tháng 1/2020 Ủy ban Thương mại Quốc tế Liên minh châu Âu mới thông qua nghị quyết đề nghị Nghị viện Châu Âu phê chuẩn EVFTA. Mặt khác, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung giai đoạn 2018 đến nay đã ảnh hưởng tiêu cực tới thị trường Sợi, khiến doanh nghiệp xuất khẩu Sợi lao đao, giá bán sợi giảm từ 20-25%, gây ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Về cơ cấu tổ chức: trong nhiệm kỳ, hoàn thành việc thành lập: Công ty TNHH Tổng Công ty DM Miền Bắc - Vinatex và Công ty TNHH Tổng Công ty DM Miền Nam - Vinatex, Công ty CP Sợi Phú Hưng trên cơ sở chi nhánh sợi Phú Hưng và các chi nhánh phụ thuộc Tập đoàn. Hiện nay, Tập đoàn còn 3 chi nhánh hoạt động là Chi nhánh sợi Nam Định, chi nhánh sợi Phú Cường và Chi nhánh Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Trung tâm thời trang Vinatex, các chi nhánh khác đã giải thể hoặc đang làm thủ tục giải thể vì chuyển đổi hình thức hoạt động nhằm tăng năng lực sản xuất cho các đơn vị.

Về đầu tư: trong nhiệm kỳ, Công ty mẹ Tập đoàn đã triển khai đầu tư 18 dự án, phần lớn tập trung vào giai đoạn 2015-2016, các tài sản đầu tư đều đã được đưa vào khai

thác sử dụng, đã góp phần tăng năng lực sản xuất và tạo công ăn việc làm cho nhiều lao động.

2.5.2. Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu kết quả SXKD 5 năm 2015-2020

a) Báo cáo tài chính riêng của Công ty Mẹ Tập đoàn

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018	2019	Tỷ lệ tăng trưởng hàng năm kép CAGR
1	Doanh thu	869.222	1.298.906	1.799.540	1.489.979	1.397.393	12,60%
2	Lợi nhuận						
	LN trước thuế	266.738	283.389	255.490	345.377	293.801	2,45%
	Lợi nhuận sau thuế	266.290	267.705	255.490	345.377	293.801	2,49%
3	Tỷ lệ P/vốn ĐL	5,33%	5,35%	5,11%	6,91%	5,88%	2,49%
4	Cổ tức	5%	5%	5%	6%	5%	
5	Tổng tài sản	7.047.133	8.393.785	8.876.410	9.000.045	8.940.086	6,13%
6	Vốn chủ sở hữu	5.531.866	5.536.256	5.835.790	5.925.677	5.909.477	1,66%

Tỷ lệ tăng trưởng hàng năm kép CAGR giai đoạn 2015-2019: Doanh thu tăng 12,60%/năm; Lợi nhuận sau thuế tăng 2,49%/năm; Tổng tài sản tăng 6,13%/năm; Vốn chủ sở hữu tăng 1,66%/năm.

b) Báo cáo tài chính hợp nhất:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018	2019	Tỷ lệ tăng trưởng hàng năm kép CAGR
1	Doanh thu	16.315.319	16.511.313	18.464.545	20.246.631	20.139.042	5,40%
2	Lợi nhuận						
	Lợi nhuận trước thuế	645.921	683.501	748.470	762.401	765.501	4,34%
	Lợi nhuận sau thuế	546.887	579.322	685.174	702.606	716.338	6,98%
3	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	764	650	772	741	885	3,74%
4	Tổng tài sản	18.810.504	19.794.423	20.906.160	21.894.861	19.833.530	1,34%
5	Vốn chủ sở hữu	7.332.911	7.559.178	7.788.889	7.996.099	7.939.649	1,96%

Tỷ lệ tăng trưởng hàng năm kép CAGR giai đoạn 2015-2019: Doanh thu tăng 5,40%/năm; Lợi nhuận sau thuế tăng 6,98%/năm; Tổng tài sản tăng 1,34%/năm; Vốn chủ sở hữu tăng 1,96%/năm.

2.6. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông

Đối với HĐQT: Hàng quý, năm Ban Kiểm soát đều gửi Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát đến Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc Tập đoàn.

Đối với cơ quan điều hành: Ban Kiểm soát được Cơ quan điều hành cung cấp tài liệu và tạo điều kiện thực thi nhiệm vụ.

Đối với các cổ đông: Ban Kiểm soát trả lời đầy đủ khi nhận được ý kiến của các cổ đông gửi về Ban kiểm soát.

2.7. Khuyến nghị của Ban Kiểm soát

Qua 5 năm nhiệm kỳ, Ban Kiểm soát có một số khuyến nghị như sau:

- Đối với các dự án đầu tư, Tập đoàn cần tổ chức rút kinh nghiệm từ các dự án đã đầu tư để đầu tư dự án mới hiệu quả hơn.
- Đối với công tác phát triển nguồn nhân lực là công tác Tập đoàn đã đặc biệt quan tâm tuy nhiên cần duy trì để luôn có nguồn cung sẵn sàng khi có nhu cầu.
- Đối với các đơn vị và các khoản đầu tư nhiều năm không hiệu quả, đề nghị Tập đoàn cần đánh giá lại và có giải pháp để phát triển hay giải thể, phá sản, hoặc thoái vốn để giảm thiểu sự mất vốn hoặc nhiều năm sử dụng vốn không hiệu quả.

2.8. Kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2020

- Giám sát hoạt động của HĐQT, CQĐH Tập đoàn thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Giám sát kiểm tra theo quý, năm hoạt động của Công ty Mẹ Tập đoàn, các đơn vị 100% vốn Tập đoàn và các đơn vị có vốn đầu tư của Tập đoàn đang có khó khăn.
- Thực hiện những công việc khác theo yêu cầu của HĐQT, của các cổ đông.

3. Báo cáo hoạt động của Cơ quan điều hành

3.1. Tình hình thị trường năm 2019

Theo IMF, chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc sẽ khiến tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế toàn cầu 2019 giảm xuống mức thấp nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2009. Hồi tháng 10/2019, IMF hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu 2019 về 3%, từ mức 3,2% đưa ra hồi tháng 7. Theo Tổng Cục thống kê Trung Quốc, tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc năm 2019 được điều chỉnh giảm xuống mức 6,2%,

thấp hơn 0,4 điểm % so với mức tăng trưởng năm 2018 là 6,6%; đây là mức tăng trưởng thấp nhất của Trung Quốc trong vòng gần 30 năm trở lại đây. Đối với nền kinh tế Mỹ, theo dự báo từ IMF, tăng trưởng kinh tế Mỹ năm 2019 chỉ đạt 2,4%, thấp hơn 0,7 điểm % so với mức tăng trưởng 3,1% của năm 2018. Cũng theo IMF, tăng trưởng kinh tế khu vực đồng tiền chung Châu Âu ước tính ở mức 1,2% trong cả năm 2019.

Tổng cầu nhập khẩu thế giới năm 2019 ước đạt 741,28 tỷ USD, giảm 1,83% so với 2018. Mức tăng trưởng này kém hơn mức tăng trưởng 2018 so với 2017 là 7,33%, điều này cho thấy ngành Dệt may toàn cầu năm 2019 chịu ảnh hưởng tiêu cực từ các yếu tố kinh tế, chính trị thế giới như chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, sự kiện Brexit chưa được giải quyết... Năm 2019, tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu dệt may Mỹ hầu như không đổi so với 2018, đạt 119,7 tỷ USD. EU chứng kiến mức tăng trưởng giảm ở mức -2,8%, đạt 271,4 tỷ USD. Các thị trường khác đều giảm mức nhập khẩu dệt may trong năm 2019 so với 2018, riêng có thị trường Canada đạt tăng trưởng tốt nhất ở mức 2,15%, đạt 14,74 tỷ USD năm 2019.

Kinh tế Việt Nam năm 2019 vẫn tăng trưởng ổn định, hoàn thành 12/12 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra. Theo Tổng cục Thống kê, GDP Việt Nam năm 2019 tăng 7,02%, vượt mục tiêu tăng trưởng 6,6-6,8% do Quốc hội đề ra. Cũng trong năm 2019, Hiệp định CPTPP đã chính thức đi vào hiệu lực và Hiệp định EVFTA đã hoàn thành ký kết, tuy nhiên, thực tế là doanh nghiệp Dệt may Việt Nam chưa thể tận dụng được ngay cơ hội từ các Hiệp định do phần lớn chưa đáp ứng được yêu cầu về quy tắc xuất xứ. Ngoài ảnh hưởng bất lợi từ thị trường thế giới thì chi phí đầu vào như lương tối thiểu tiếp tục tăng, giá điện tăng 8,3%... khiến doanh nghiệp chật vật trong việc duy trì hiệu quả hiệu quả kinh doanh, nhiều doanh nghiệp đã thua lỗ.

Có thể nói, năm 2019 là 1 năm khó khăn đối với ngành Dệt may Việt Nam, đặc biệt là áp lực từ cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung khiến giá Sợi sụt giảm, các khách hàng May đều trong tình trạng nghe ngóng dẫn đến đơn hàng thưa thớt, lẻ tẻ. Với tình hình như trên, ngành Dệt may Việt Nam vẫn phấn đấu đạt mức tăng trưởng dương, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng chưa được ½ so với năm 2018. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu Dệt may Việt Nam năm 2019 đạt 39 tỷ USD, tăng 7,29% so với năm 2018.

3.2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

3.2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh Công ty mẹ năm 2019:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2018	TH 2019		So sánh 2019	
		KH	TH	TH/KH	so 2018
1. Doanh thu	1.489.978	1.356.520	1.397.393	103,0%	93,7%
2. Lợi nhuận trước thuế	345.377	380.590	293.801	77,2%	85,1%

Chỉ tiêu	TH 2018	TH 2019		So sánh 2019	
		KH	TH	TH/KH	so 2018
3. Lợi nhuận sau thuế	345.377	380.590	293.801	77,2%	85,1%
4. Cổ tức	6%	6%	5%		

Doanh thu năm 2019 tăng 3% so với kế hoạch; nhưng lợi nhuận chỉ đạt 77,2% kế hoạch năm 2019 và 85,1% so với năm 2018. Nguyên nhân do các doanh nghiệp sợi trong Tập đoàn và 2 Chi nhánh sợi của Tập đoàn có lợi nhuận sụt giảm mạnh do ảnh hưởng bất lợi từ thị trường nên cổ tức lợi nhuận chia về Công ty mẹ sụt giảm.

3.2.2. Kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất Tập đoàn năm 2019:

Chỉ tiêu	TH 2018	TH 2019		% TH/KH	% so 2018
		KH	TH		
Doanh thu	20.246.631	22.185.000	20.139.042	90,8%	99,5%
LNTT	761.401	839.000	765.500	91,2%	100,5%
Tỷ suất LNTT/CSH	9,56%	10,53%	9,68%		

Doanh thu hợp nhất bằng 99,5% so với cùng kỳ, đạt 90,8% so với kế hoạch, lợi nhuận hợp nhất tăng 0,5% so với cùng kỳ, đạt 91,2% so với kế hoạch.

3.3. Kết quả sản xuất kinh doanh Tập đoàn nhiệm kỳ 2015-2020

3.3.1. Kết quả sản xuất kinh doanh công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018	2019	tăng/giảm bq năm
1	Doanh thu	869.222	1.298.906	1.799.540	1.489.979	1.397.393	12,6%
2	LN trước thuế	266.738	283.389	255.490	345.377	293.801	2,45%
3	Lợi nhuận sau thuế	266.290	267.705	255.490	345.377	293.801	2,49%
4	Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	5,33%	5,35%	5,11%	6,91%	5,88%	2,49%
5	Cổ tức	5%	5%	5%	6%	5%	

Giai đoạn 2015-2020, Tập đoàn đã thực hiện cơ cấu lại các khoản đầu tư theo hướng: thoái vốn các đơn vị ngoài ngành theo Quyết định 320 và một số đơn vị không hiệu quả, tăng vốn đầu tư vào một số doanh nghiệp cốt lõi, có hiệu quả cao khi đơn vị thực hiện tăng vốn. Đồng thời các doanh nghiệp trong Tập đoàn cũng có sự tăng trưởng qua các năm nên cổ tức chia về Công ty mẹ ngày càng cao góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận.

Ngoài ra, Tập đoàn cũng sắp xếp lại hoạt động của một số đơn vị phụ thuộc (cho thuê, chuyển đổi thành công ty cổ phần) nhằm khai thác tài sản hiệu quả hơn.

Song song đó là các biện pháp kiểm soát chi phí, rà soát từng đầu mục chi phí để cắt giảm tối đa các khoản chi phí chưa hợp lý nhằm tăng lợi nhuận. Chi phí quản lý của

công ty mẹ đã giảm bình quân 6,35%/năm, tỷ lệ chi phí quản lý/doanh thu giảm bình quân 16,84%/năm.

Theo đó, kết quả qua các năm tuy có sự biến động nhưng xu hướng chung là tăng dần, doanh thu tăng bình quân 12,6%/năm, lợi nhuận trước thuế tăng bình quân 2,45%.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân/vốn điều lệ đạt 5,71%. Theo đó, tỷ lệ cổ tức bình quân 5 năm là 5,2% thấp hơn mức cổ tức bình quân (5,8%) đã được ĐHĐCĐ phê duyệt qua các năm.

3.3.2. Kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018	2019	tăng/giảm bq năm
1	Doanh thu	16.315.319	16.511.313	18.464.545	20.246.631	20.139.042	5,40%
2	LNTT	645.921	683.501	748.470	761.401	765.500	4,34%
3	LNST	546.887	579.322	685.174	702.606	716.338	6,98%
4	Tỷ suất LNTT/Vốn CSH	8,8%	9,0%	9,6%	9,6%	9,7%	2,28%

Giai đoạn 2015-2020 là chu kỳ 5 năm đầu tiên kể từ khi Tập đoàn Dệt may Việt Nam hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần. Giai đoạn này, thị trường vẫn còn nhiều khó khăn, cạnh tranh ngày càng gay gắt cả trong và ngoài nước, lãi suất và tỷ giá biến động không ngừng, đặc biệt từ cuối năm 2018 đến hết năm 2019, hoạt động SXKD ngành sợi do phụ thuộc rất lớn thị trường Trung Quốc nên chịu ảnh hưởng sụt giảm nặng nề từ cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung. Tuy vậy, mỗi doanh nghiệp bằng kinh nghiệm, uy tín của mình vẫn đang nỗ lực không ngừng để giữ chân khách hàng tại các thị trường truyền thống và tìm kiếm thị trường, khách hàng tiềm năng mới.

Bên cạnh đó là nâng cao năng lực quản trị sản xuất, tăng năng suất sản xuất để gia tăng biên lợi nhuận. Các doanh nghiệp cũng rà soát lại quy trình quản lý vận hành, sắp xếp, tinh giảm bộ máy hành chính, tiết giảm chi phí quản lý với tốc độ giảm bình quân 6,23%/năm, tỷ lệ chi phí, phí quản lý/doanh thu của Tập đoàn giảm 11,04%/năm. Theo đó, trong 5 năm qua doanh thu và lợi nhuận hợp nhất của Tập đoàn vẫn tăng trưởng đều đặn:

- Doanh thu bình quân 18.340 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 5,5%/năm
- Lợi nhuận trước thuế bình quân 720,9 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế bình quân 4,34%/năm
- Lợi nhuận sau thuế bình quân 646,0 tỷ, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế bình quân 6,98%

- Tỷ suất LNTT bình quân/vốn chủ sở hữu bình quân 5 năm là 9,4%/năm. Tuy nhiên, tỷ suất cao vẫn tập trung ở nhóm May, tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu của nhóm Sợi Dệt còn thấp.

3.4. Tình hình tài chính

3.4.1. Quy mô tài sản và nguồn vốn:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Bình quân 5 năm	tăng trưởng bq
Tài sản ngắn hạn	9.533.188	9.232.273	9.474.983	10.547.264	9.341.107	9.625.763	-0,51%
Tài sản dài hạn	9.270.879	10.562.150	11.431.177	11.347.597	10.492.424	10.620.845	3,14%
Tổng tài sản	18.804.067	19.794.423	20.906.160	21.894.861	19.833.531	20.246.608	1,34%
Nợ phải trả	11.456.227	12.199.953	13.084.848	13.898.762	11.893.882	12.506.734	0,94%
Vốn chủ sở hữu	7.347.839	7.594.471	7.821.312	7.996.099	7.939.649	7.739.874	1,96%

3.4.2. Các chỉ số tài chính qua các năm:

TÊN CHỈ SỐ	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
KHẢ NĂNG THANH TOÁN					
1. Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,39	1,34	1,27	1,20	1,28
2. Hệ số thanh toán nhanh	0,94	0,88	0,78	0,65	0,78
CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG					
1. Hiệu suất sử dụng tài sản	0,81	0,78	0,83	0,87	0,96
2. Ngày tồn kho bình quân	82 ngày	84 ngày	80 ngày	90 ngày	89 ngày
3. Ngày thu tiền bình quân	93 ngày	92 ngày	83 ngày	74 ngày	71 ngày
4. Ngày trả tiền bình quân	265 ngày	310 ngày	287 ngày	281 ngày	266 ngày
5. Vòng quay Vốn lưu động	1,59	1,65	1,87	1,91	1,91
KHẢ NĂNG TỰ CHỦ TÀI CHÍNH					
1. Hệ số tổng nợ phải trả / Tổng tài sản	0,61	0,62	0,63	0,63	0,60
2. Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	1,57	1,61	1,68	1,74	1,50
3. Khả năng tài trợ vốn dài hạn	2.677	2.350	2.000	1.769	2.028
KHẢ NĂNG SINH LỜI					
6. Tỷ lệ lãi sau thuế (ROA)	2,99%	3,00%	3,37%	3,28%	3,43%
7. Tỷ lệ lãi ròng (ROE)	7,93%	7,79%	8,93%	8,92%	9,02%

Các chỉ số trên cho thấy tình hình tài chính của Tập đoàn qua các năm ổn định, an toàn. Các chỉ số về khả năng sinh lời ROA, REO tăng đều qua các năm, tỷ lệ ROA, ROE năm 2019 so với năm 2015 tăng tương ứng là 14,8% và 13,8%. Để có được kết quả đó, vai trò chỉ đạo, định hướng của Ban điều hành Tập đoàn nhằm duy trì, cải thiện và nâng cao năng lực tài chính của các doanh nghiệp là rất lớn:

- Đối với hoạt động của các doanh nghiệp trong Tập đoàn: Luôn bám sát hoạt động của doanh nghiệp để chỉ đạo cũng như hỗ trợ kịp thời, đảm bảo doanh nghiệp vận hành tốt, nâng cao hiệu quả, an toàn tài chính. Cụ thể:
 - o Thực hiện giám sát đặt biệt và tập trung xử lý các điểm đen về tài chính trong Tập đoàn.
 - o Trực tiếp làm việc với đơn vị trọng yếu để rà soát hoạt động SXKD, các vấn đề tài chính, đồng thời cùng đơn vị xử lý các tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, đảm bảo cân đối tài chính dài hạn, khả năng thanh toán, xác định và lập kế hoạch xử lý các rủi ro tiềm ẩn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng đến hoạt động SXKD hiện tại.
 - o Tái cơ cấu các khoản đầu tư, thoái vốn các đơn vị ngoài ngành, các đơn vị kém hiệu quả, tập trung vào các doanh nghiệp cốt lõi, có hiệu quả cao; cơ cấu hoạt động của các Chi nhánh, đơn vị 100% vốn, tăng cường năng lực sản xuất cho các doanh nghiệp trọng yếu bằng các dự án Tập đoàn đã đầu tư nhằm giảm thời gian đầu tư mới, tập trung quản trị sản xuất. Theo đó, Tập đoàn và các đơn vị đã cải thiện được các chỉ số tài chính, tăng hiệu quả sử dụng tài sản và vốn qua các năm, làm bàn đạp để phát triển sản xuất trong các năm sắp tới.
 - o Riêng năm 2019: Doanh nghiệp sơi lao đao do ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ- Trung, Tập đoàn đã luôn đồng hành cùng doanh nghiệp để nắm bắt tình hình, yêu cầu doanh nghiệp kiểm soát chặt vốn lưu động, cân đối sản xuất và tiêu thụ, hỗ trợ một số doanh nghiệp có khó khăn về dòng tiền ... Theo đó, mặc dù kết quả nhiều doanh nghiệp sơi lữa nhưng các chỉ số tài chính cho thấy doanh nghiệp quản trị hoạt động và quản trị vốn lưu động vẫn tốt, dòng tiền đảm bảo vận hành, kiểm soát hàng tồn kho không để quá cao, kiểm soát công nợ phải thu khách hàng tốt, không có nợ phải thu khó đòi với khách hàng Trung Quốc.
- Trước sức ép về cách mạng 4.0, cũng như nhu cầu hoàn thiện chuỗi cung ứng Dệt may khép kín để tận dụng được những lợi thế của các FTA được ký kết, nhu cầu đầu tư của các doanh nghiệp là rất lớn. Theo đó, Tập đoàn đã chủ trì làm việc với các Ngân hàng để có nguồn vốn với giá rẻ, hình thức vay linh hoạt. Đồng thời làm việc với các đơn vị để xác định cơ cấu vốn đầu tư hợp lý, đảm bảo an toàn tài chính và hiệu quả trong đầu tư.
- Trong tình hình thị trường tài chính thế giới biến động, tỷ giá và lãi suất không ngừng thay đổi ảnh hưởng rất lớn đến chi phí của doanh nghiệp. Ban lãnh đạo Tập đoàn đã có những chia sẻ, định hướng cho doanh nghiệp liên quan đến quản trị tài chính của doanh nghiệp để xác định phương án sử dụng vốn chủ vốn vay, phương án sử dụng đồng tiền vay USD/VNĐ phù hợp nhằm tối ưu hóa lợi nhuận.

3.5. Tình hình đầu tư

Từ năm 2015 đến năm 2019, toàn Tập đoàn đã triển khai 190 dự án, trong đó 21 dự án Sợi, 17 dự án Dệt nhuộm, 30 dự án May, 58 dự án nâng cấp máy móc thiết bị và 64 dự án khác. Trong đó, số dự án Công ty mẹ Tập đoàn làm chủ đầu tư là 18 dự án, số dự án các đơn vị thành viên làm chủ đầu tư là 172 dự án, các dự án tập trung phần lớn vào giai đoạn 2015-2016.

Giai đoạn 2015-2016, do triển vọng của thị trường đón đầu Hiệp định TPP, Tập đoàn và Đơn vị thành viên thực hiện đầu tư xây dựng một số nhà máy mới trong các lĩnh vực sợi, may. Đến giai đoạn 2017-2018, Hiệp định TPP không đi vào hiệu lực do Mỹ không tham gia Hiệp định, Tập đoàn tập trung vào đầu tư chiều sâu và khai thác hiệu quả các dự án hoàn thành. Tới năm 2019, Tập đoàn và các đơn vị thành viên giảm và tạm dừng thực hiện một số dự án đầu tư mới để đánh giá lại tình hình và cơ hội đầu tư, chủ yếu tập trung đầu tư chiều sâu, phát triển bền vững, đổi mới kỹ thuật, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm đối với các dây chuyền sản xuất sẵn có và khai thác hiệu quả các dự án đã hoàn thành ở giai đoạn trước. Các dự án đầu tư hoàn thành giai đoạn trước đã hoạt động ổn định theo công suất thiết kế. Tuy nhiên, do ảnh hưởng từ cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, từ cuối năm 2018 đến 2019, các nhà máy sợi - dệt gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năng lực tăng thêm sau đầu tư giai đoạn 2015-2019 như sau: Sợi tăng 69.547 tấn, Vải dệt kim tăng 11.591 tấn, sản phẩm may 160,4 triệu sản phẩm.

Riêng năm 2019, toàn Tập đoàn thực hiện 27 dự án đầu tư, trong đó 27 dự án do các đơn vị thành viên làm chủ đầu tư. Kế hoạch vốn thực hiện đầu tư năm 2019 là 265,6 tỷ đồng, thực hiện là 211,8 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 80% so với kế hoạch.

3.6. Tình hình Quản trị nguồn nhân lực

Trong giai đoạn 2015-2020, để tái cơ cấu tổ chức cho phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty cổ phần, năm 2016 Tập đoàn thành lập mới 2 đơn vị là Tổng công ty Dệt May miền Bắc (trên cơ sở hợp nhất từ 4 đơn vị: Tổng CTCP Dệt May Hà Nội, Công ty TNHH MTV Dệt 8/3, CTy CP Vinatex Hồng Lĩnh và các DA Nhà máy May Quảng Bình, Nhà máy May Tuyên Quang) và Tổng công ty Dệt May miền Nam (Chi nhánh Vinatex – nhà máy May Kiên Giang; nhà máy may Cần Thơ; nhà máy May Bạc Liêu). Giai đoạn 2018 – 2019 thực hiện thủ tục giải thể 03 Chi nhánh (Chi nhánh Tập đoàn – Trung tâm xử lý nước thải phố Nối, Chi nhánh Tập đoàn – NM May Quảng Ngãi, Chi nhánh Tập đoàn – NM Sợi Phú Hưng) để chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần và thành lập mới Trung tâm Thương mại Thời trang Dệt May tại 25 Bà Triệu và địa điểm kinh doanh tại 57B Phan Chu Trinh. Năm 2019, thành lập 02 Ban quản lý dự án tại 458 Minh Khai – Hà Nội và 39-41 Bến Chương Dương – TP.HCM, hợp nhất Ban Quản lý nguồn vốn và Ban Quản lý tài sản thành Ban Quản lý tài sản trên cơ sở kế thừa toàn bộ chức năng nhiệm vụ của 02 Ban.

Đầu nhiệm kỳ, Cơ quan điều hành có 14 thành viên (Tổng giám đốc, 9 Phó TGD, 4 Giám đốc điều hành). Trong nhiệm kỳ, có 04 Phó Tổng giám đốc nghỉ chế độ hưu, 1 Giám đốc điều hành chuyển công tác. Để bổ sung cán bộ, tăng cường quản trị, điều hành, Tập đoàn đã bổ nhiệm 04 Phó Tổng giám đốc. Tổng số thành viên Cơ quan điều hành hiện nay gồm 11 người (Tổng giám đốc, 9 Phó TGD, 1 Giám đốc điều hành). Các cán bộ được bổ nhiệm đều đã có nhiều năm kinh nghiệm trong các vị trí quản lý tại các doanh nghiệp Dệt May và tại Tập đoàn.

Trong giai đoạn 2015-2020, Tập đoàn đã tổ chức 23 khóa đào tạo cho gần 600 lượt cán bộ về quản lý chất lượng, quản lý đơn hàng, quản lý tổ sản xuất và giám đốc nhà máy dệt may thành viên. Chỉ đạo tổ chức hàng chục hội thảo về liên kết thị trường nội bộ, về chiến lược đầu tư, về quản trị công nghệ sản xuất sợi, sản xuất vải, phát triển phương thức sản xuất ODM... Qua đó, đội ngũ cán bộ quản lý các cấp trong Tập đoàn và các doanh nghiệp thành viên đã được cập nhật kiến thức mới về quản trị sản xuất, quản trị công nghệ... góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD Tập đoàn và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, khối các trường đào tạo của Tập đoàn duy trì và phát triển hoạt động tuyển sinh, đào tạo, đảm bảo mỗi năm cung cấp hơn 10.000 lao động có trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, cán bộ kỹ thuật cho các đơn vị của Tập đoàn và ngành Dệt May. Sau 04 năm tuyển sinh đại học, trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội đã tuyển được hơn 3.700 sinh viên. Năm 2020, sinh viên khóa đại học đầu tiên ra trường sẽ cung cấp gần 500 nhân lực là cử nhân các ngành quản lý công nghiệp, ngành may và thiết kế thiết thời trang cho các doanh nghiệp dệt may.

3.7. Mục tiêu và giải pháp cho năm 2020, giai đoạn 2020-2025

3.7.1. Định hướng phát triển trong giai đoạn 2020-2025

Về sở hữu:

- Hoàn thành việc đa dạng hóa sở hữu, giảm sở hữu nhà nước tại Tập đoàn. Thu hút các cổ đông có năng lực trong chuỗi cung ứng dệt may, năng lực quản trị trong môi trường số từ trong và ngoài nước tham gia vào Tập đoàn.

Về quản trị:

- Hình thành môi trường quản lý số trong Tập đoàn. Trước mắt là cho các chuỗi cung ứng Tập đoàn – Công ty mẹ tự kinh doanh. Số hóa hệ thống quản lý người đại diện, quản lý khoản đầu tư, quản trị rủi ro chủ động.
- Tiếp tục khai thác thông qua quản trị tốt người đại diện tại các công ty cổ phần có hiệu quả cao như Việt Tiến, Hưng Yên, Phong Phú, Hòa Thọ, Việt Thắng.
- Định vị, xây dựng thương hiệu một số sản phẩm nổi bật của Tập đoàn tập trung vào nhóm sản phẩm Eco-green; sản phẩm phục vụ y tế.

- Xây dựng môi trường làm việc ứng dụng CNTT, điện toán đám mây, AI... để quản lý dữ liệu tập trung, xây dựng Big Data toàn Tập đoàn; phát triển làm việc cộng tác không giới hạn về thời gian và không gian trong Văn phòng Tập đoàn cũng như giữa Tập đoàn và các đơn vị thành viên; tiến tới một môi trường làm việc linh hoạt, hiện đại, hiệu quả tiệm cận các nước phát triển trên thế giới.

Về tái cấu trúc:

- Cơ bản tái cấu trúc xong hệ thống doanh nghiệp có vốn của Tập đoàn theo hướng tinh gọn, có năng lực cạnh tranh, có năng lực kết nối chuỗi trong lĩnh vực dệt may. Thoái, sáp nhập, giải thể các doanh nghiệp ngoài lĩnh vực Tập đoàn có thể mạnh.
- Hình thành hệ thống kinh doanh từ công ty Mẹ Tập đoàn cho 3 chuỗi sản phẩm chính của Tập đoàn:
 - o Sợi – Dệt kim – May
 - o Sợi – Dệt khaki/denim – May
 - o Sợi – Dệt khăn – May
- Cùng cố và mở rộng sự tham gia của các công ty Sợi thuộc Tập đoàn vào chuỗi sản xuất Dệt của thế giới, trước mắt là tham gia vào chuỗi sản xuất Dệt kim Hàn Quốc, Thái Lan, Indonesia.

Về đầu tư:

- Đánh giá hệ thống máy móc thiết bị, công nghệ toàn Tập đoàn theo nhóm ngành làm cơ sở xây dựng kế hoạch đầu tư chiều sâu, tự động hóa một các hợp lý và phát triển sản phẩm sử dụng công nghệ mới.
- Đầu tư bổ sung theo hướng hiện đại, tự động hóa, sản xuất xanh cho hệ thống sản xuất.
- Đầu tư cho nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực thiết kế thời trang, công nghệ Sợi là khâu đang có lợi thế có thể phát triển nhanh.

Về phát triển nguồn nhân lực:

- Thu hút và khai thác hiệu quả trên 50% kỹ sư ra trường của đại học Dệt may giai đoạn 2020-2025, dự kiến hơn 6000 kỹ sư.
- Đào tạo nguồn nhân lực tiếp cận thành quả của Cách mạng công nghiệp 4.0, ứng dụng trong sản xuất kinh doanh một cách linh hoạt và hiệu quả.

3.7.2. Mục tiêu

Năm 2020, tình hình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát và ngày càng diễn biến phức tạp ở nhiều nước trên thế giới ảnh hưởng nghiêm trọng tới ngành Dệt may. Các

đơn vị vừa trải qua tình trạng thiếu nguyên liệu đầu vào cho sản xuất thì lại tiếp tục gặp trở ngại thiếu đầu ra do khách hàng giãn hủy đơn hàng do các nước phong tỏa giao thương để phòng dịch bệnh. Rất nhiều đơn vị thiếu việc làm, phải cho công nhân nghỉ việc. Dịch bệnh cũng làm tổng cầu suy giảm, cả trong và ngoài nước khiến doanh nghiệp khó xoay sở. Kể cả sau khi dịch bệnh đi qua thì nhiều doanh nghiệp cũng gặp tình trạng nút thắt cổ chai, không thể phục hồi ngay do đối tác trong chuỗi cung ứng có thể đã phá sản. Tác hại của dịch bệnh theo doanh nghiệp không những trong 2020 mà còn sang cả 2021. Ưu tiên hàng đầu của doanh nghiệp trong thời kỳ dịch bệnh là tìm kiếm đơn hàng nhỏ lẻ thay thế (khẩu trang, thiết bị bảo hộ...) nhằm duy trì việc làm cho người lao động, để bảo toàn đội ngũ cùng vượt qua thời kỳ khó khăn.

3.7.3. Giải pháp

Về sở hữu:

- Đề xuất phương án, hoàn tất các thủ tục thoái vốn nhà nước xuống 25% trong năm 2020. Và tiếp tục nghiên cứu thoái hết vốn nhà nước trong nhiệm kỳ. Tập trung kêu gọi các nhà đầu tư chiến lược lâu dài như Itochu (cho thị trường Nhật, Mỹ), Vingroup (cho các hệ thống cơ khí – tự động hóa của ngành Dệt may) tham gia tăng tỷ lệ sở hữu tại Vinatex.

Về quản trị:

- Hoàn thiện bộ công cụ đánh giá năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Dệt may.
- Thực hiện chuyển đổi số, quản lý số hệ thống quản lý Vinatex. Tạo môi trường minh bạch, nhanh chóng. Dữ liệu được phân tích nhanh cho các quyết định có độ chính xác cao hơn.
- Cấu trúc quản trị Tập đoàn theo hướng tích hợp dọc, quản lý theo chủng loại sản phẩm, để tăng cường năng lực quản trị chuyên sâu. Xây dựng được các doanh nghiệp đầu đàn cho từng lĩnh vực.
- Xây dựng hệ thống KPIs chuyên ngành cho từng lĩnh vực sản xuất. Chia sẻ thông tin trên nền tảng số toàn Tập đoàn. Áp dụng triệt để nguyên tắc chuẩn đối sách (benchmarking) và áp dụng kết quả tốt nhất (Best practice) tại các doanh nghiệp.
- Đẩy mạnh hoạt động thiết kế, công nghệ cho sản xuất vải, quần áo tiêu chuẩn Eco-green, tỷ lệ sử dụng tái chế cao. Trước mắt tập trung cho sản phẩm dệt may trẻ em, y tế có thương hiệu Vinatex là sản phẩm OBM của Việt Nam.

Về tái cấu trúc:

- Cơ cấu lại khoản đầu tư vốn trên 2 nguyên tắc:
 - o Đánh giá năng lực cạnh tranh của từng doanh nghiệp bằng bộ tiêu chí do tập đoàn xây dựng. Đảm bảo rút vốn tại các khoản đầu tư yếu kém, không có tương lai.

- Các khoản đầu tư giữ lại phải liên kết được với nhau trong chuỗi cung ứng của Tập đoàn hoặc đang là thành viên bền vững của các chuỗi quốc tế.

Về đầu tư:

- Xác định giai đoạn 2020-2025 là giai đoạn tích lũy tài chính dùng cho đầu tư thay đổi trình độ công nghệ và quản lý. Cuối nhiệm kỳ, đạt được trình độ công nghệ cập nhật tiên tiến của ngành Dệt may thế giới.
- Phát huy các công dụng của thị trường vốn để đa dạng hóa nguồn lực cho đầu tư phát triển.

Về phát triển nguồn nhân lực:

- Tạo môi trường làm việc hiện đại, thu hút trên 50% sinh viên tốt nghiệp Đại học Dệt may (xấp xỉ 3000 kỹ sư) để có lực lượng triển khai sản xuất theo hướng công nghiệp 4.0.
- Hoàn thiện và đề xuất phương án trả lương, thu hút nhân tài. Chính sách cổ phần cho cán bộ công chức tại doanh nghiệp. Tạo môi trường cạnh tranh về nhân lực.

IV/ Quan hệ với cổ đông - nhà đầu tư

Thông tin chi tiết về cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo danh sách cổ đông chốt ngày 31/12/2019 do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp như sau:

1. Thông tin cổ phần

Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/ cổ phần
Tổng số cổ phần đang lưu hành	500.000.000 cổ phần
Tổng số cổ phần đăng ký giao dịch	500.000.000 cổ phần
Cổ phần chuyển nhượng tự do	450.000.000 cổ phần
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	50.000.000 cổ phần

2. Cơ cấu cổ đông

TT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nhà nước (Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước – Công ty TNHH)	1	267.438.100	53,49%
2	Tổ chức	19	124.275.800	24,85%
2.1	<i>Trong nước</i>	16	59.274.900	11,85%
2.2	<i>Nước ngoài</i>	3	65.000.900	13,00%
3	Cá nhân	2.377	108.286.100	21,66%
3.1	<i>Trong nước</i>	2.345	108.045.930	21,61%
3.2	<i>Nước ngoài</i>	32	240.170	0,05%
	Tổng cộng	2.397	500.000.000	100,00%

3. Thông tin cổ đông lớn

TT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước – Công ty TNHH)	1	267.438.100	53,49%
2	Itochu Textile Prominent (ASIA) Limited	1	65.000.000	13,00%
3	Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	1	50.000.000	10,00%
4	Cá nhân	1	30.000.000	6,00%

TT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Tổng cộng	4	412.438.100	82,49%

4. Quan hệ với cổ đông và nhà đầu tư

Trong năm 2019, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Tập đoàn luôn duy trì việc giải đáp thắc mắc, cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư, chuyên gia phân tích và các bên liên quan để bảo đảm tất cả cổ đông được đối xử bình đẳng. Tập đoàn cam kết công bố và minh bạch hóa thông tin, cung cấp cho cổ đông và nhà đầu tư các thông tin kịp thời, chính xác theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế công bố thông tin đã ban hành.

Bộ phận Quan hệ cổ đông của Tập đoàn sẽ tiếp tục phát huy các hoạt động tiếp nhận, phản hồi và cung cấp thông tin trên cơ sở các quy định của Nhà nước về công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán. Quý vị cổ đông, nhà đầu tư có thể liên lạc với chúng tôi qua địa chỉ email: qhcd@vinatex.com.vn.

V/ Báo cáo phát triển bền vững

1. Chính sách liên quan đến người lao động

1.1. Đảm bảo việc làm ổn định, nâng cao tiền lương - thu nhập của người lao động năm 2019

Trong nhiệm kỳ 2015-2020, Tập đoàn và các đơn vị thành viên duy trì việc làm cho bình quân hơn 80.000 lao động. Thu nhập tăng trưởng bình quân 7%/năm.

Trong năm 2019, toàn Tập đoàn đã tạo việc làm ổn định, đảm bảo cải thiện tiền lương và thu nhập cho 78.909 lao động. Năng suất lao động bình quân theo doanh thu đạt 623 triệu đồng/người/năm, tăng 7,8% so với năm 2018.

Năm 2019, cùng với chính sách tăng lương tối thiểu vùng, chi phí tiền lương và các chi phí liên quan đến việc trích nộp bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT), kinh phí Công đoàn cũng tăng theo nhưng Tập đoàn và các doanh nghiệp vẫn phấn đấu cải thiện thu nhập cho người lao động với thu nhập bình quân là 8,09 triệu đồng/người/tháng, tăng 6% so với năm 2018.

Người lao động hưởng chế độ nghỉ Lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo đúng quy định của Bộ Luật lao động hiện hành.

1.2. Đảm bảo an toàn lao động, quan tâm chăm sóc sức khỏe người lao động

Ngoài việc tạo công ăn, việc làm, đảm bảo tiền lương, thu nhập cho người lao động, Tập đoàn và các doanh nghiệp thành viên luôn quan tâm đến công tác đảm bảo an toàn lao động và chăm lo sức khỏe cho người lao động. Người lao động được trang bị đầy đủ thiết bị làm việc, bảo hộ lao động theo yêu cầu của mỗi vị trí, được huấn luyện về công tác an toàn lao động, kỹ thuật vận hành các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

Các đơn vị sử dụng có nhiều lao động đều có phòng Y tế tư vấn sức khỏe, sơ cấp cứu kịp thời. Tập đoàn có Trung tâm Y tế quản lý toàn bộ hệ thống Y tế tại các đơn vị thành viên và Bệnh viện Dệt May phục vụ công tác chăm sóc y tế, khám sức khỏe định kỳ, phát hiện sớm bệnh lý nhất là những bệnh lý liên quan đến nghề nghiệp để kịp thời điều trị cho người lao động. Các trường hợp ốm đau đều được thăm hỏi, động viên kịp thời và được trợ cấp ốm đau từ quỹ Công đoàn và doanh nghiệp.

1.3. Duy trì và phát triển chính sách phúc lợi

Bên cạnh việc thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác chăm lo đời sống cho người lao động cũng được Tập đoàn và các đơn vị thành viên luôn quan tâm và không ngừng cải thiện. Ngoài tiếp tục chăm lo bữa ăn giữa ca cho người lao động, sử dụng nguồn thực phẩm sạch, an toàn. Một số đơn vị còn quan tâm củng cố, phát triển vườn rau sạch, đa dạng các loại rau sạch cung cấp cho bữa ăn ca cho người lao động. Các loại thực phẩm cung cấp cho nhà ăn tập thể như gạo, thịt, cá... cũng được các đơn

vị chọn lựa kỹ lưỡng từ những nhà cung ứng uy tín trên thị trường để đảm bảo an toàn thực phẩm, giữ gìn và nâng cao sức khỏe người lao động. Nhiều đơn vị có chính sách hỗ trợ thêm thu nhập cho người lao động như phụ cấp điện thoại, xăng xe, bố trí xe đưa đón CBCNV,... Một số đơn vị đã xây dựng các khu nhà ở cho cán bộ công nhân viên chưa có nhà ở thuê với giá rẻ hoặc hỗ trợ bằng tiền để các cán bộ nhân viên tự thuê nhà; tổ chức nhà giữ trẻ cho người lao động yên tâm công tác; tổ chức tặng quà cho các cháu thiếu nhi - con CBCNV nhân dịp ngày Quốc tế thiếu nhi, Tết Trung thu, đồng thời tuyên dương các cháu có thành tích cao trong học tập; tổ chức cho người lao động đi nghỉ mát, du lịch để phục hồi sức khỏe sau thời gian lao động căng thẳng, tái tạo sức lao động.

Việc áp dụng các chính sách phúc lợi tự nguyện của doanh nghiệp đã góp phần đảm bảo sức khỏe, tạo sự gắn kết giữa người lao động với doanh nghiệp và nâng cao năng suất lao động.

1.4. Chính sách đào tạo người lao động

Chính sách đào tạo được Tập đoàn và các đơn vị thành viên xác định là một trong những yếu tố rất quan trọng trong việc phát triển tối đa nguồn nhân lực của doanh nghiệp. Vì vậy Tập đoàn và các đơn vị thành viên luôn quan tâm tới chính sách đào tạo, xây dựng và phát triển đội ngũ chuyên gia giỏi, lao động lành nghề, khuyến khích và tài trợ cho người lao động tham dự các khóa đào tạo phù hợp với kế hoạch phát triển sự nghiệp của mỗi cá nhân, tạo cơ hội cho người lao động trải nghiệm công việc khác nhau để đào tạo thực tế. Người lao động vào làm việc tại các vị trí sản xuất được học nghề, tập nghề sau khi tuyển dụng và sắp xếp công việc, được huấn luyện, đào tạo về an toàn lao động.

Bên cạnh việc tự tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp, Trung tâm Đào tạo cán bộ quản lý của Tập đoàn phối hợp với 3 Trường Đại học, Cao đẳng thuộc Tập đoàn, các Ban chức năng của Tập đoàn và các cơ sở đào tạo có uy tín tổ chức nhiều khóa đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo chuyên ngành để bổ sung kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kỹ thuật của Tập đoàn và các đơn vị thành viên với số lượng đào tạo trên 300 lượt/năm.

Với những chính sách quan tâm đến an toàn, vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe cùng các chính sách phúc lợi của Tập đoàn và các đơn vị đã tạo nguồn động viên, hỗ trợ cả về vật chất lẫn tinh thần để người lao động hăng say lao động, an tâm gắn bó lâu dài cùng sự phát triển của doanh nghiệp.

2. Môi trường và năng lượng

Tập đoàn Dệt may Việt Nam đặc biệt quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, hạn chế gây ô nhiễm tại môi trường sản xuất cũng như môi trường sống xung quanh.

Vấn đề môi trường tại các đơn vị thành viên nói chung có ít tác động xấu, ít phát sinh bụi, nhiệt, tiếng ồn. Chất thải chủ yếu là rác thải rắn và các chất thải sinh hoạt của

người lao động. Nguồn vải vụn, giấy vụn và các chất thải rắn khác được phân loại để tái sử dụng và thu gom xử lý theo qui định của pháp luật.

Tại các đơn vị có cơ sở sản xuất Dệt, Nhuộm thì vấn đề xử lý nước thải, khí thải, các chất thải rắn tương đối phức tạp hơn, tuy nhiên trong điều kiện đơn hàng xuất khẩu ra thị trường thế giới, doanh nghiệp luôn phải có đủ chứng nhận thực hiện tốt công tác môi trường.

Bên cạnh đó, các đơn vị thành viên của Tập đoàn luôn chú trọng quan tâm đến việc phát triển bền vững của doanh nghiệp, do đó luôn thực hiện tốt các yêu cầu đối với môi trường trong quá trình sản xuất.

2.1. Công tác quản lý môi trường của Tập đoàn:

Hiện nay, 100% các đơn vị sản xuất thuộc Tập đoàn đều có bộ phận phụ trách về các vấn đề môi trường. Tuy nhiên chỉ có một số đơn vị có cán bộ chuyên trách, còn lại hầu hết là các cán bộ kỹ thuật của nhà máy phân xưởng đang kiêm nhiệm chức năng đối với công tác môi trường.

Các đơn vị trong Tập đoàn đều thực hiện các tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng về môi trường ISO 9001, ISO 14000. (hiện nay đa số các đơn vị thực hiện theo ISO 14000, ISO 14001)

Trong năm 2019, Tập đoàn đã tăng cường thêm các lớp, các khóa học bồi dưỡng về công tác bảo vệ môi trường. Duy trì tại các đơn vị những hoạt động hiệu quả trong công tác môi trường năm qua, cập nhật thêm các công nghệ mới, các nghị định, thông tư hướng dẫn mới của Nhà nước, Bộ tài nguyên môi trường...

2.2. Tình hình tiêu thụ năng lượng

Năng lượng sử dụng năm 2019 (TOE/năm)		So với năm 2018 (%)	Thực hiện kiểm toán năng lượng	Lượng nhiên liệu sử dụng (tấn/năm)
NL tiêu thụ trực tiếp	NL tiêu thụ gián tiếp			
455,218	10,404	Giảm 10%	4 lần/năm	7,285

2.3. Tiêu thụ nước cấp và xử lý nước thải năm 2019

Nước cấp

Lượng nước tiêu thụ năm 2019 (m3/năm)		So với năm 2018 (%)		Nguồn nước sử dụng	Giá Bình quân (vnd/m3)
Nước sản xuất	Nước sinh hoạt	Nước sản xuất	Nước sinh hoạt		
953,062	624,238	Giảm 26%	Giảm 40%	Chủ yếu là Mua	12.500

Nước thải

Lượng nước thải năm 2019 (m ³ /năm)		So với năm 2018 (%)		Công nghệ xử lý nước thải	Chi phí Xử Lý bình quân (vnd/m ³)	Tỷ lệ tái sử dụng nước thải (%)
Nước sản xuất	Nước sinh hoạt	Nước sản xuất	Nước sinh hoạt			
693,869	456,110	Giảm 16%	Giảm 26%	Chủ yếu sử dụng Hóa lý + vi sinh	12.300	Không

2.4. Xử lý khí thải

Điện sử dụng cho toàn đơn vị (kwh/năm)	Số lượng lò hơi, công suất (tấn hơi/h/lò)	Lượng nhiên liệu sử dụng			Công nghệ XL khí thải	Chi phí XL khí thải (vnd)
		Than	Dầu	Củ /trấu ép		
105,147,283	231/công suất: 74 tấn/h	17,637		19,884	Chủ yếu dùng hệ thống lọc bụi	

2.5. Tình hình quản lý chất thải thông thường và chất thải nguy hại

Chất thải thông thường		So với năm 2018 (%)		Chất thải nguy hại (tấn/năm)		So với năm 2018 (%)	
Số lượng (tấn/năm)	Chi phí XL (triệu đồng)	Số lượng	Chi phí	Số lượng (tấn/năm)	Chi phí XL (triệu đồng)	Số lượng	Chi phí
2,887	1,538	Giảm 19%	Giảm 6%	3,320	462	Tăng 27%	Tăng 12%

2.6. Tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

Chấp hành đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, không để xảy ra vụ việc vi phạm nào.

3. Hoạt động cộng đồng

Mặc dù thu nhập của người lao động trong ngành Dệt May chưa cao so với những ngành kinh tế khác của đất nước, song trong những năm qua lãnh đạo Tập đoàn, lãnh đạo các đơn vị thành viên và người lao động của Tập đoàn luôn ý thức và trách nhiệm cao trong tổ chức, vận động và tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội từ thiện, góp phần quan trọng vào việc đảm bảo an sinh xã hội.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang tạo công ăn việc làm ổn định cho gần 80.000 lao động trên phạm vi cả nước. Tập đoàn và các đơn vị thành viên cũng xây dựng hàng

loạt các chính sách liên quan đến tiền lương, thưởng, phúc lợi hợp lý để đảm bảo cuộc sống cho người lao động cũng như thu hút thêm nguồn nhân lực mới.

Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội đối với cộng đồng, từ năm 2015 đến nay, hàng năm, Tập đoàn và các đơn vị trong Tập đoàn đều ủng hộ “Quỹ Vì người nghèo” hàng trăm triệu đồng nhằm hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo, cộng đồng nghèo, góp phần cùng Đảng, Nhà nước thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc; ủng hộ “Quỹ Vì người nghèo” hàng trăm triệu đồng nhằm hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo, cộng đồng nghèo, góp phần cùng Đảng, Nhà nước thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc; ủng hộ Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” Trung ương nhân dịp kỷ niệm ngày Thương binh – Liệt sỹ 27/7; hỗ trợ quần áo ấm, chăn ấm mùa đông cho các em học sinh nghèo tỉnh Yên Bái, tổng trị giá gần 200 triệu đồng; tài trợ chương trình xây dựng nhà nhân ái cho gia đình chính sách tại huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình theo chương trình hoạt động của Đoàn Khối DNTW; ủng hộ các chương trình vì Hoàng Sa, Trường Sa, quỹ vì người nghèo, quỹ từ thiện sách nói cho người mù, hỗ trợ trung tâm nuôi trẻ mồ côi, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, hỗ trợ xây nhà tình thương cho công nhân; tặng 400 áo thi đấu cho giải golf từ thiện thường niên “Swing for the kids” do Báo Đầu tư tổ chức nhằm huy động học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo hiếu học; phối hợp với Bệnh viện Việt Đức thực hiện chuỗi chương trình “những giọt máu hồng”; phối hợp với Bệnh viện Chợ Rẫy Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức chương trình từ thiện “Hạnh phúc là sẻ chia” tại xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Đoàn đã trao tặng 200 suất quà cho các gia đình chính sách, bà con và người lao động có hoàn cảnh khó khăn và tổ chức khám, phát thuốc miễn phí cho người dân nghèo, bệnh tật, không có điều kiện đi kiểm tra sức khỏe. Hàng năm, mỗi dịp chuẩn bị đón xuân mới, Tập đoàn tổ chức Hội chợ Tết sum vầy nhằm cung cấp các sản phẩm dệt may và các nhu yếu phẩm với giá ưu đãi, tặng quà trợ cấp cho những người có hoàn cảnh khó khăn, tạo điều kiện cho người lao động đón tết vui vẻ và đầm ấm.

Thực hiện chương trình 30a của Chính phủ, Tập đoàn được phân công giúp đỡ huyện nghèo Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Các hoạt động hỗ trợ gồm: xây dựng trạm y tế xã, ủng hộ “Quỹ vì người nghèo” tặng quà Tết cho người dân 150-200 triệu hàng năm; đảm bảo việc làm cho 300 lao động thường xuyên, với mức thu nhập bình quân 5.000.000đ/người/tháng, duy trì bữa ăn ca miễn phí với mức 15.000đ/suất.

Lãnh đạo Tập đoàn rất chú trọng nâng cao chính sách phúc lợi cho người lao động, đồng thời dành nguồn kinh phí phù hợp để ưu tiên xây dựng các thiết chế cơ bản, gắn với nhu cầu thiết thân của người lao động, để người lao động yên tâm công tác và thêm gắn kết với doanh nghiệp. Tính đến nay, đa phần đơn vị trong tập đoàn đều có các thiết chế về hội trường, nhà ăn, tủ sách... để phục vụ cán bộ công nhân viên. Nhiều đơn vị đã bố trí nhà ở cho công nhân, duy trì nhà trẻ mẫu giáo, hỗ trợ tiền nhà trọ, tiền gửi trẻ, tổ chức tham quan, nghỉ mát trong và ngoài nước, xây dựng chung cư mini để bán

và cho thuê với giá ưu đãi cho CBCNV, xây dựng sân bóng đá mini nhằm đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao trong toàn đơn vị; tổ chức ăn sáng miễn phí cho công nhân; mở siêu thị giá rẻ phục vụ công nhân, tổ chức trồng rau sạch phục vụ bữa ăn ca và bán giá ưu đãi cho người lao động, duy trì quỹ học bổng dành cho con em công nhân nghèo có thành tích tốt trong học tập; hỗ trợ người lao động vay vốn để giải quyết khó khăn trong gia đình như chữa bệnh, sửa chữa nhà cửa, tổ chức những đợt bán hàng giảm giá tới 30-40% các sản phẩm may mặc cho người lao động, giúp người lao động tiếp cận được với các sản phẩm chất lượng cao do chính mình làm ra với giá ưu đãi.

Mỗi năm tổng số tiền hỗ trợ công nhân, người lao động trong toàn Tập đoàn từ 20- 25 tỷ đồng.

4. Quản trị rủi ro

Trong năm 2019, Tập đoàn đẩy mạnh hoạt động Quản trị rủi ro thông qua việc thực hiện giám sát, đánh giá phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của các đơn vị có vốn của Tập đoàn từ 30% trở lên. Từ đó, Cơ quan điều hành thành lập các đoàn công tác để thực hiện các chương trình đánh giá đầu tư và chương trình giám sát đặc biệt đối với các vấn đề trọng yếu.

Đồng thời, Tập đoàn tiếp tục triển khai quy trình quản trị rủi ro tại Công ty mẹ Tập đoàn và hướng dẫn triển khai tại một số chi nhánh và đơn vị thành viên nhằm hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro của Tập đoàn. Theo đó, việc rà soát danh mục rủi ro, giám sát tình hình thực hiện các kế hoạch hành động được thực hiện định kỳ, đảm bảo tính cập nhật báo cáo tới Lãnh đạo Tập đoàn.

Các hoạt động truyền thông về Quản trị rủi ro tiếp tục được chú trọng thông qua việc tổ chức các buổi hội thảo, đào tạo, truyền thông về danh mục rủi ro ngành đến các đơn vị nhằm nâng cao nhận thức trong công tác quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ cho doanh nghiệp. Hiệu quả triển khai: Truyền thông nâng cao nhận thức cho các cán bộ chủ chốt, cán bộ nghiệp vụ tại các đơn vị đã triển khai và tổ chức hội thảo. Phản hồi từ phía các đơn vị đều đánh giá chương trình là tốt và có tính ứng dụng cao.

VI/ Báo cáo kiểm toán hợp nhất



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Tập đoàn

Quyết định Thành lập số 974/QĐ-TTg

ngày 25 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008

ngày 11 tháng 12 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 11 tháng 12 năm 2017. Các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quang Nghị
Ông Lê Tiến Trường
Ông Đặng Vũ Hùng
Ông Phạm Phú Cường
Ông Lê Khắc Hiệp

Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

Cơ quan Tổng Giám đốc

Ông Lê Tiến Trường
Bà Phạm Nguyên Hạnh
Ông Lê Trung Hải
Ông Đặng Vũ Hùng
Ông Phạm Phú Cường
Ông Nguyễn Đức Khiêm
Ông Phạm Văn Tân
Ông Lê Mạc Thuấn
Ông Cao Hữu Hiếu
Ông Cao Hữu Hiếu

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2020)
Giám đốc Điều hành
(đến ngày 31/12/2019)
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2020)
Giám đốc Điều hành
(đến ngày 31/12/2019)
Giám đốc Điều hành
Giám đốc Điều hành
(đến ngày 04/11/2019)

Ông Nguyễn Đức Trị
Ông Nguyễn Đức Trị

Ông Nguyễn Khánh Sơn
Bà Phạm Minh Hương

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Minh Hiền
Bà Nguyễn Thị Kim Dung
Ông Phan Thanh Sơn
Bà Lê Thị Ánh Ngọc
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tập đoàn Dệt May Việt Nam **Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 7 đến trang 80 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 7 tháng 4 năm 2020



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 4 năm 2020, được trình bày từ trang 7 đến trang 80.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú, một công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 460.083 triệu VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 432.024 triệu VND). Phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty TNHH Coats Phong Phú mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam được hưởng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 28.059 triệu VND (2018: 78.617 triệu VND). Chúng tôi không được tiếp cận với các sổ sách và tài liệu kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú, cũng như không được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này, nên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty TNHH Coats Phong Phú mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã ghi nhận cho năm kết thúc cùng ngày và các thông tin so sánh có liên quan. Do đó, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với các số liệu này nếu chúng tôi được tiếp cận với các sổ sách và tài liệu kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú cũng như được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này để thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết. Báo cáo kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến vấn đề này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng có thể có của vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới:

- Thuyết minh 3(b) của báo cáo tài chính hợp nhất. Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo hướng dẫn tại Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính. Các chính sách kế toán này có một số khác biệt so với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như được nêu cụ thể tại Thuyết minh 3(b) và vẫn tiếp tục có ảnh hưởng đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

- Thuyết minh 24(a) của báo cáo tài chính hợp nhất. Trong năm 2015, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCĐN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán mà trước đó đã được xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, ghi nhận khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tương ứng với phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị sổ sách của khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp là 360.510 triệu VND (1/1/2019: 360.510 triệu VND). Cũng theo Công văn 17623, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải nộp số tiền nói trên về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc giữa Tập đoàn Dệt may Việt Nam, Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

- Thuyết minh 48 của báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó đề cập đến việc một số thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 đã được điều chỉnh lại.

Các vấn đề nhấn mạnh này không liên quan đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-02-00183-1*2-20-2



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 07-04-2020



Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		9.341.106.920.668	10.772.264.170.794
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	412.299.064.625	1.591.051.847.226
Tiền	111		294.068.859.146	300.809.348.604
Các khoản tương đương tiền	112		118.230.205.479	1.290.242.498.622
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.717.957.810.829	530.964.535.704
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	1.717.957.810.829	530.964.535.704
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.313.751.276.066	3.506.098.485.161
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	2.221.905.904.397	2.327.069.170.076
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		154.581.082.303	201.282.072.077
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	163.891.444.792	172.522.442.156
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	1.072.867.342.729	1.128.786.266.023
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(299.555.928.347)	(324.757.707.864)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		61.430.192	1.196.242.693
Hàng tồn kho	140	12	3.632.577.906.079	4.843.699.346.538
Hàng tồn kho	141		3.697.724.041.470	4.963.162.189.914
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(65.146.135.391)	(119.462.843.376)
Tài sản ngắn hạn khác	150		264.520.863.069	300.449.956.165
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	46.189.843.113	26.685.313.545
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		215.127.869.896	258.541.452.805
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22(a)	3.203.150.060	15.223.189.815

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		10.492.424.069.044	11.122.596.521.884
Các khoản phải thu dài hạn	210		317.290.610.714	337.967.514.004
Phải thu về cho vay dài hạn	215		6.302.200.000	6.538.300.000
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	413.911.005.510	450.751.808.800
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	11	(102.922.594.796)	(119.322.594.796)
Tài sản cố định	220		6.819.610.165.215	7.365.097.360.609
Tài sản cố định hữu hình	221	13	6.576.001.310.029	7.178.171.661.284
Nguyên giá	222		12.858.122.123.460	13.636.054.984.364
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.282.120.813.431)	(6.457.883.323.080)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	14	120.962.708.756	54.262.989.793
Nguyên giá	225		160.507.724.393	63.165.850.569
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(39.545.015.637)	(8.902.860.776)
Tài sản cố định vô hình	227	15	122.646.146.430	132.662.709.532
Nguyên giá	228		172.023.713.283	170.074.055.243
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(49.377.566.853)	(37.411.345.711)
Bất động sản đầu tư	230	16	324.297.220.190	178.515.423.788
Nguyên giá	231		377.248.278.173	211.317.729.648
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(52.951.057.983)	(32.802.305.860)
Tài sản dở dang dài hạn	240		304.911.956.611	690.509.110.384
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	304.911.956.611	690.509.110.384
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.338.913.160.940	2.142.822.165.620
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	7(b)	2.146.875.320.334	1.919.384.959.300
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(b)	216.605.976.303	245.927.489.068
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7(b)	(28.268.135.697)	(25.795.282.748)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(a)	3.700.000.000	3.305.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		387.400.955.374	407.684.947.479
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	381.972.481.387	398.023.838.864
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	4.647.115.054	5.993.370.726
Tài sản dài hạn khác	268		781.358.933	581.358.933
Lợi thế thương mại	269	20	-	3.086.378.956
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		19.833.530.989.712	21.894.860.692.678

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		11.893.881.947.519	13.898.761.746.966
Nợ ngắn hạn	310		7.312.822.449.044	8.778.639.941.963
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	1.349.816.540.799	1.312.440.236.730
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		74.776.634.082	189.207.720.335
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22(b)	60.442.550.710	82.331.611.264
Phải trả người lao động	314		562.443.228.583	588.180.295.163
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23(a)	89.510.100.874	112.421.333.997
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	25	13.679.365.174	10.990.211.459
Phải trả ngắn hạn khác	319	24(a)	467.445.800.584	604.149.072.236
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26(a)	4.531.543.973.875	5.727.826.476.476
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	27	2.314.337.751	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	28	160.849.916.612	151.092.984.303
Nợ dài hạn	330		4.581.059.498.475	5.120.121.805.003
Phải trả người bán dài hạn	331		17.600.000	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		21.147.559.587	15.294.587.874
Chi phí phải trả dài hạn	333	23(b)	23.716.800.000	24.665.472.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	25	328.411.892.102	233.241.961.588
Phải trả dài hạn khác	337	24(b)	95.938.343.430	87.081.581.052
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26(b)	4.021.815.432.977	4.633.405.784.037
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	62.239.358.739	55.700.980.180
Dự phòng phải trả dài hạn	342	27	27.772.511.640	70.676.377.590
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	55.060.682

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	29	7.939.649.042.193	7.996.098.945.712
Vốn chủ sở hữu	410		7.911.309.644.211	7.965.717.920.710
Vốn cổ phần	411	30	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.911.650.892	29.911.650.892
Vốn khác của chủ sở hữu	414		39.707.195.973	42.248.630.739
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(739.634.553.737)	(740.362.454.896)
Quỹ đầu tư phát triển	418	32	543.609.956.752	526.746.543.959
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		739.021.636.748	657.194.845.550
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		220.288.909.062	219.098.282.370
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		518.732.727.686	438.096.563.180
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	33	550.677.792.232	550.677.792.232
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.748.015.965.351	1.899.300.912.234
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		28.339.397.982	30.381.025.002
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		28.339.397.982	30.381.025.002
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		19.833.530.989.712	21.894.860.692.678

Ngày 7 tháng 4 năm 2020

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toán



Lê Tiên Trường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	35	19.022.680.725.628	19.136.157.649.993
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	35	36.674.328.831	34.691.517.825
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	35	18.986.006.396.797	19.101.466.132.168
Giá vốn hàng bán	11	36	17.470.183.409.814	17.300.466.741.035
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.515.822.986.983	1.800.999.391.133
Doanh thu hoạt động tài chính	21	37	366.328.378.998	324.434.230.857
Chi phí tài chính	22	38	549.334.513.564	643.885.452.531
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		517.331.839.298	457.300.477.034
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24	7(b)	700.656.909.518	672.651.827.830
Chi phí bán hàng	25	39	548.639.151.706	536.563.116.186
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	40	758.120.623.626	893.995.286.779
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		726.713.986.603	723.641.594.324
Thu nhập khác	31	41	86.051.171.368	148.078.810.827
Chi phí khác	32	42	47.264.762.900	110.319.717.305
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		38.786.408.468	37.759.093.522
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		765.500.395.071	761.400.687.846
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	44	41.278.095.976	64.466.255.476
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	44	7.884.634.231	(5.681.619.408)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		716.337.664.864	702.616.051.778

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		716.337.664.864	702.616.051.778
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		518.732.727.686	438.096.563.180
Cổ đông không kiểm soát	62		197.604.937.178	264.519.488.598
Lãi trên cổ phiếu				
		45		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		885	741
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		797	668

Ngày 7 tháng 4 năm 2020

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toán



Lê Tiên Trường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		765.500.395.071	761.400.687.846
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		836.391.575.493	889.228.800.886
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03		(134.035.162.752)	46.620.875.859
Lãi từ hoạt động đầu tư	04		(8.315.325.651)	55.050.933.836
Chi phí lãi vay	05		(980.892.219.954)	(863.419.680.688)
	06		517.331.839.298	457.300.477.034
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		995.981.101.505	1.346.182.094.773
Biến động các khoản phải thu	09		(470.490.215.781)	360.406.483.399
Biến động hàng tồn kho	10		848.235.653.715	(1.242.540.078.258)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		377.215.667.270	372.489.000.250
Biến động chi phí trả trước	12		(9.283.961.363)	87.739.237.670
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		-	47.062.178.000
			1.741.658.245.346	971.338.915.834
Tiền lãi vay đã trả	14		(531.412.745.817)	(453.521.701.768)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(39.397.017.526)	(67.690.963.801)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	134.645.500
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(77.286.553.933)	(96.300.789.943)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.093.561.928.070	353.960.105.822

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(760.839.968.313)	(1.269.041.704.979)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		89.993.972.884	25.956.046.623
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(1.620.163.964.971)	(162.199.935.935)
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn	24		435.772.493.710	301.300.245.049
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(58.661.103.882)	(28.722.417.582)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		69.002.392.101	178.751.852.260
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		750.971.472.131	643.791.028.496
Ảnh hưởng thuần của việc thoái vốn đầu tư vào các công ty con trong năm		5	127.538.305.410	10.224.188.780
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(966.386.400.930)	(299.940.697.288)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông thiểu số	31		23.107.250.000	14.840.260.000
Tiền thu từ đi vay	33		23.597.339.132.524	12.056.138.855.595
Tiền trả nợ gốc vay	34		(24.406.893.725.728)	(11.663.549.437.555)
Tiền trả cổ tức	36		(522.274.833.281)	(368.119.804.083)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.308.722.176.485)	39.309.873.957

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(1.181.546.649.345)	93.329.282.491
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.591.051.847.226	1.496.319.038.319
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.793.866.744	1.403.526.416
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	412.299.064.625	1.591.051.847.226

Ngày 7 tháng 4 năm 2020

Người lập:

Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toán



Lê Tiên Trường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, giày tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
 - Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
 - Dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
 - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
 - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
 - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 34 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 34 công ty liên kết (1/1/2019: 46 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 31 công ty liên kết).

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn đã được hạch toán trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Loại công ty	Số lượng đơn vị	Tham chiếu
Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	13	Xem Phụ lục 1
Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	13	Xem Phụ lục 2
Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	8	Xem Phụ lục 3
	<hr/>	
	34	
Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất	34	Xem Phụ lục 4
	<hr/>	
	68	
	<hr/>	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn có 33.963 nhân viên (1/1/2019: 37.278 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, ngoại trừ việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ như được trình bày ở Thuyết minh 3(b).

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ thì chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là giao dịch vốn chủ sở hữu.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn ở Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính. Theo đó, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh số lỗ chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017. Tập đoàn Dệt May Việt Nam tiếp tục phân bổ số lỗ còn lại theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Nếu Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm phát sinh như theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, chi phí trả trước dài hạn và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ cùng giảm 6.059 triệu VND (1/1/2019: 9.088 triệu VND) và chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 lần lượt sẽ giảm và tăng cùng một khoản 3.029 triệu VND (2018: chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ giảm và tăng cùng một khoản 3.029 triệu VND).

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác của công ty mẹ Tập đoàn phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính hợp nhất này, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điều a, Điều b, Điều c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
- Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
- Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(t)(viii)).

(iv) Đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa

Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(v) Đầu tư vào các đơn vị khác của các công ty con

Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác của các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(vi) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Hàng tồn kho được sản xuất và để bán

Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Đất thuê đang phát triển để cho thuê lại trong tương lai

Giá gốc bao gồm tiền thuê đất và các chi phí phát triển liên quan khác bao gồm chi phí phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị và chi phí cho các khu vực chung.

(g) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát được Tập đoàn ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo các nội dung sau:

- Giá trị tài sản góp vốn liên doanh mà Tập đoàn kiểm soát;
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của liên doanh; và
- Các khoản chi phí Tập đoàn phải gánh chịu.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo dưỡng và đại tu, ngoại trừ chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 50 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 10 năm |
| ▪ tài sản khác | 4 – 10 năm |

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(h).

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 8 năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao do có thời hạn không xác định. Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban lãnh đạo công ty con tương ứng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- hạ tầng khu công nghiệp 4 – 45 năm
- nhà cửa, vật kiến trúc 10 – 50 năm

(l) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(m) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(ii) Chi phí thuê văn phòng và nhà xưởng trả trước

Chi phí thuê văn phòng và nhà xưởng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iv) Phụ tùng thay thế

Phụ tùng thay thế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(v) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(vi) Chênh lệch tỷ giá

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3(b), lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trừ phần chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm 2016, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

(vii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(n) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Tập đoàn xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

(o) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(q) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành.

(r) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(s) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(t) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê lại đất thuê

Doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trước một lần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho toàn bộ thời hạn thuê nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Thời hạn thuê lại lớn hơn 90% thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất;
- Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;
- Số tiền thuê đất nhận trước không nhỏ hơn 90% tổng khoản thanh toán tiền thuê ước tính nhận được theo hợp đồng trong thời hạn thuê đất và bên thuê phải trả toàn bộ khoản thanh toán tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thuê đất;
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bên thuê; và
- Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy các chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

(v) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

(vi) Doanh thu cho thuê tài sản khác

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(vii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(viii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(d)(iii)).

(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(v) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(y) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất; và
- Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác; và
- Các hoạt động khác: chủ yếu bao gồm bán và cho thuê bất động sản.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Giá chuyển giao giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như giao dịch với các bên thứ ba. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Năm 2019	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	17.888.271.960.415	128.839.056.253	968.895.380.129	-	18.986.006.396.797
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	2.657.980.498.791	31.081.753.389	7.422.850.141	(2.696.485.102.321)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	20.546.252.459.206	159.920.809.642	976.318.230.270	(2.696.485.102.321)	18.986.006.396.797
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	679.029.409.817	(5.182.662.432)	26.810.162.133	-	700.656.909.518
Kết quả kinh doanh của bộ phận	582.456.653.941	5.349.341.550	69.993.229.562	68.914.761.550	726.713.986.603
Thu nhập khác	140.088.959.372	6.319.739.921	2.074.757.076	(62.432.285.001)	86.051.171.368
Chi phí khác	(31.685.101.438)	(13.490.139.744)	(2.531.060.992)	441.539.274	(47.264.762.900)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(23.413.654.231)	(1.327.376.939)	(16.537.064.806)	-	(41.278.095.976)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(537.851.688)	-	-	(7.346.782.543)	(7.884.634.231)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN	666.909.005.956	(3.148.435.212)	52.999.860.840	(422.766.720)	716.337.664.864



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Năm 2018	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	16.481.824.749.470	1.334.063.647.441	1.285.577.735.257	-	19.101.466.132.168
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	2.941.982.943.364	197.568.943.818	17.556.443.621	(3.157.108.330.803)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	19.423.807.692.834	1.531.632.591.259	1.303.134.178.878	(3.157.108.330.803)	19.101.466.132.168
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	632.916.058.753	22.640.834.957	17.094.934.120	-	672.651.827.830
Kết quả kinh doanh của bộ phận	772.760.351.488	(3.884.749.892)	90.177.590.380	(135.411.597.652)	723.641.594.324
Thu nhập khác	161.241.137.852	267.508.751	1.662.599.859	(15.092.435.635)	148.078.810.827
Chi phí khác	(113.881.074.845)	(157.396.995)	(3.523.945.055)	7.242.699.590	(110.319.717.305)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(46.349.824.273)	(759.952.619)	(17.356.478.584)	-	(64.466.255.476)
(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	(208.296.954)	-	-	5.889.916.362	5.681.619.408
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN	773.562.293.268	(4.534.590.755)	70.959.766.600	(137.371.417.335)	702.616.051.778

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31/12/2019					
Tài sản của bộ phận	22.058.281.557.129	125.635.861.551	1.097.928.269.806	(5.595.190.019.108)	17.686.655.669.378
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.504.130.887.667	912.560.000	307.875.000	641.523.997.667	2.146.875.320.334
Tổng tài sản của bộ phận	23.562.412.444.796	126.548.421.551	1.098.236.144.806	(4.953.666.021.441)	19.833.530.989.712
Tổng nợ phải trả của bộ phận	13.359.910.694.509	349.782.590.217	664.495.062.609	(2.480.306.399.816)	11.893.881.947.519
Năm 2019					
Chi tiêu vốn	719.019.254.398	2.473.220.000	110.841.772.130	(71.494.278.215)	760.839.968.313
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	774.916.240.634	1.718.901.416	37.141.645.609	(26.898.514.820)	786.878.272.839
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	7.374.697.038	-	-	-	7.374.697.038
Khấu hao tài sản cố định vô hình	12.944.552.184	-	75.714.288	4.070.064	13.024.336.536
Khấu hao bất động sản đầu tư	8.130.515.609	207.734.004	5.147.094.631	-	13.485.344.244

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 1/1/2019					
Tài sản của bộ phận	23.867.489.518.961	290.604.031.400	2.219.906.416.495	(6.402.524.233.478)	19.975.475.733.378
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.473.703.117.650	412.560.000	307.875.000	444.961.406.650	1.919.384.959.300
Tổng tài sản của bộ phận	25.341.192.636.611	291.016.591.400	2.220.214.291.495	(5.957.562.826.828)	21.894.860.692.678
Tổng nợ phải trả của bộ phận	14.629.635.922.217	1.355.669.156.700	1.021.630.501.574	(3.108.173.833.525)	13.898.761.746.966
Năm 2018					
Chi tiêu vốn	1.222.609.288.542	1.273.104.546	113.767.312.417	(68.608.000.526)	1.269.041.704.979
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	819.647.548.249	1.742.342.779	34.163.468.223	(2.877.724.793)	852.675.634.458
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	3.696.927.763	-	-	-	3.696.927.763
Khấu hao tài sản cố định vô hình	5.201.694.482	-	31.987.547	198.478.743	5.432.160.772
Khấu hao bất động sản đầu tư	1.741.314.611	207.734.004	3.098.299.234	121.120.253	5.168.468.102

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Bộ phận chia theo vùng địa lý được căn cứ vào khu vực phát sinh doanh thu. Theo đó, Cơ quan Tổng Giám đốc xác định bộ phận chia theo vùng địa lý cần được báo cáo bao gồm nội địa và xuất khẩu.

Năm 2019	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	7.967.827.690.574	11.018.178.706.223	18.986.006.396.797
Kết quả kinh doanh của bộ phận	278.684.084.342	1.237.138.902.641	1.515.822.986.983
Thu nhập không phân bổ			1.066.985.288.516
Chi phí không phân bổ			(1.856.094.288.896)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			726.713.986.603
Thu nhập khác			86.051.171.368
Chi phí khác			(47.264.762.900)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(49.162.730.207)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			716.337.664.864
Năm 2018	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	5.925.996.174.684	13.175.469.957.484	19.101.466.132.168
Kết quả kinh doanh của bộ phận	422.447.093.221	1.378.552.297.912	1.800.999.391.133
Thu nhập không phân bổ			997.086.058.687
Chi phí không phân bổ			(2.074.443.855.496)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			723.641.594.324
Thu nhập khác			148.078.810.827
Chi phí khác			(110.319.717.305)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(58.784.636.068)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			702.616.051.778

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31/12/2019			
Tài sản của bộ phận	1.766.985.085.936	309.945.972.417	2.076.931.058.353
Tài sản không phân bổ			17.756.599.931.359
Tổng tài sản			19.833.530.989.712
Nợ phải trả của bộ phận	172.311.675.204	1.273.446.659.264	1.445.758.334.468
Các khoản nợ không phân bổ			10.448.123.613.051
Tổng nợ phải trả			11.893.881.947.519
	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 1/1/2019			
Tài sản của bộ phận	1.449.317.872.006	754.275.662.283	2.203.593.534.289
Tài sản không phân bổ			19.691.267.158.389
Tổng tài sản			21.894.860.692.678
Nợ phải trả của bộ phận	848.798.926.031	668.143.618.908	1.516.942.544.939
Các khoản nợ không phân bổ			12.381.819.202.027
Tổng nợ phải trả			13.898.761.746.966

5. Thoái vốn đầu tư ở các công ty con

Trong năm, Tập đoàn có thoái vốn ở các công ty con như sau:

- Ngày 20 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, đã chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào một công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định với giá trị ghi sổ là 13,5 tỷ VND cho các nhà đầu tư khác, qua đó, làm giảm tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định từ 91% xuống còn 46%. Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và của Tập đoàn.
- Ngày 15 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, đã chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào một công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam với giá trị ghi sổ là 17,6 tỷ VND cho các nhà đầu tư khác, qua đó, làm giảm tỷ lệ sở hữu trong công ty này từ 61% xuống còn 36%. Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú và của Tập đoàn.
- Ngày 30 tháng 6 năm 2019, cổ đông thiểu số của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex đã mua thêm cổ phần; qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con này từ 51,1% xuống còn 48,15%. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex trở thành công ty liên kết của Tập đoàn.
- Ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Bông Việt Nam, một công ty con cấp 1, với giá trị ghi sổ là 17,6 tỷ VND cho các nhà đầu tư khác, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Dệt may Việt Nam trong công ty con này từ 55% xuống còn 19,72%. Công ty Cổ phần Bông Việt Nam trở thành khoản đầu tư khác của Tập đoàn.
- Ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Len Việt Nam, một công ty con cấp 1, với giá trị ghi sổ là 27,5 tỷ VND, tương đương tỷ lệ sở hữu 67,1%, cho các nhà đầu tư khác. Công ty Cổ phần Len Việt Nam trở thành khoản đầu tư khác của Tập đoàn do Tập đoàn vẫn có phần sở hữu gián tiếp ở Công ty Cổ phần Bông Việt Nam.
- Ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, đã chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào một công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang với giá trị ghi sổ là 40 tỷ VND cho các nhà đầu tư khác, qua đó, làm giảm tỷ lệ sở hữu trong công ty này từ 52% xuống còn 30%. Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú và của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các giao dịch này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mất quyền kiểm soát như sau:

	Giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày mất quyền kiểm soát VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.182.010.502
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.870.293.500
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	521.059.485.841
Trả trước cho người bán ngắn hạn	28.756.941.191
Hàng tồn kho	409.331.366.757
Thuế và các khoản khác phải thu của Nhà nước	85.789.565
Tài sản ngắn hạn khác	47.045.851.378
Phải thu dài hạn khác	182.296.308.559
Tài sản cố định hữu hình – nguyên giá	1.212.838.393.541
Tài sản cố định hữu hình – giá trị hao mòn lũy kế	(723.964.768.438)
Tài sản cố định vô hình – nguyên giá	8.748.432.203
Tài sản cố định vô hình – giá trị hao mòn lũy kế	(1.058.115.394)
Bất động sản đầu tư – nguyên giá	12.843.968.512
Bất động sản đầu tư – giá trị hao mòn lũy kế	(9.863.367.680)
Xây dựng cơ bản dở dang	83.383.079.298
Chi phí trả trước dài hạn	50.737.551.018
Tài sản dài hạn khác	18.729.732.877
Phải trả người bán ngắn hạn	(297.844.213.603)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(7.707.241.762)
Phải trả ngắn hạn khác	(60.000.001.845)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(775.612.488.965)
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	(216.844.840.859)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.889.902.100)
Giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày mất quyền kiểm soát	521.124.264.096
Lợi ích cổ đông không kiểm soát của công ty con cấp 2	(204.647.177.843)
Phần tài sản thuần thuộc công ty con cấp 1 tại ngày mất quyền kiểm soát	316.477.086.253
Phần tài sản thuần thuộc công ty con cấp 1 sau khi mất quyền kiểm soát	276.211.556.508
Giá trị tài sản thuần chuyển nhượng	40.265.529.745
Lãi từ thoái vốn đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 37)	122.454.786.167
Tiền thu được từ thoái vốn	162.720.315.912
Khoản tiền giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	(35.182.010.502)
Khoản tiền thuần tăng lên do thoái vốn đầu tư vào công ty con	127.538.305.410

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	14.199.319.405	16.920.805.207
Tiền gửi ngân hàng	279.739.471.541	283.754.219.697
Tiền đang chuyển	130.068.200	134.323.700
Các khoản tương đương tiền	118.230.205.479	1.290.242.498.622
	<hr/>	
	412.299.064.625	1.591.051.847.226
	<hr/>	

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có 7.562 triệu VND (1/1/2019: 7.562 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN (Thuyết minh 24(a)).

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm 1.796 triệu VND (1/1/2019: 135.637 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.717.957.810.829	1.738.542.122.911	530.964.535.704	543.493.025.325
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	-		1.105.000.000	(*)
▪ Trái phiếu	3.700.000.000	(*)	2.200.000.000	(*)
	<u>3.700.000.000</u>		<u>3.305.000.000</u>	

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm từ 1% đến 7,2% (2018: từ 1% đến 7,3%).

Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm giá trị gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 1 tháng 1 năm 2019 hiện đang ghi nhận là khoản phải thu khác. Ban lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 1 tháng 1 năm 2019.

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm 110.000 triệu VND (1/1/2019: không có) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26(b)).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2019				1/1/2019			
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết								
▪ Tổng Công ty May 10 - CTCP	33,82%	33,82%	69.761.725.245	(*)	33,82%	33,82%	64.199.589.933	(*)
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	406.423.407.573	(*)	30,40%	30,40%	388.508.188.710	(*)
▪ Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	67.410.144.717	(*)	46,93%	46,93%	133.278.207.241	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	21,21%	21,21%	35.995.145.637	(*)	27,00%	27,00%	30.532.399.417	(*)
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	27,69%	27,69%	92.268.039.871	(*)	27,69%	27,69%	89.723.687.471	(*)
▪ Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP	35,21%	35,21%	48.188.318.964	(*)	35,21%	35,21%	45.042.195.764	(*)
▪ Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP	35,01%	35,01%	120.126.332.713	(*)	35,01%	35,01%	114.913.854.882	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	40,33%	40,33%	85.521.165.761	(*)	40,33%	40,33%	85.375.621.301	(*)
▪ Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	460.082.837.592	(*)	17,86%	17,86%	432.023.595.402	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	22,05%	22,05%	130.018.039.220	(*)	22,05%	22,05%	141.253.222.287	(*)
▪ Các khoản đầu tư tại công ty liên kết khác			631.080.163.041	(*)			394.534.396.892	(*)
			2.146.875.320.334				1.919.384.959.300	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

			31/12/2019				1/1/2019			
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác										
<i>Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường</i>										
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	2.562.254.500	0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	2.612.151.035
<i>Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu khác</i>										
▪ Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	2,8%	2,8%	19.583.559.975	(11.047.595.992)	(*)	2,9%	2,9%	19.583.559.975	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thăng	18,02%	18,02%	6.305.925.360	-	(*)	18,02%	18,02%	6.305.925.360	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	-	-	-	-	-	0,54%	0,65%	20.000.000.000	-	(*)
▪ Các khoản đầu tư khác	-	-	189.367.935.968	(17.220.539.705)	(*)	-	-	198.689.448.733	(25.795.282.748)	(*)
			<u>216.605.976.303</u>	<u>(28.268.135.697)</u>				<u>245.927.489.068</u>	<u>(25.795.282.748)</u>	

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn có tổng giá trị ghi sổ là 156.000 triệu VND (1/1/2019: 205.403 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	1.919.384.959.300	1.888.606.874.259
Tăng do đầu tư vào công ty liên kết	-	21.404.807.582
Tăng do công ty con trở thành công ty liên kết	158.687.027.558	-
Phần lãi từ đầu tư vào các công ty liên kết	700.656.909.518	672.651.827.830
Cổ tức nhận được	(619.654.422.874)	(576.451.161.937)
Thanh lý các công ty liên kết	(7.500.000.000)	(85.812.886.145)
Giảm do tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại một số công ty liên kết giảm	(4.699.153.168)	(1.014.502.289)
Số dư cuối năm	2.146.875.320.334	1.919.384.959.300

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan (*)	233.239.988.791	178.919.651.229
Phải thu các khách hàng khác	1.988.665.915.606	2.148.149.518.847
	2.221.905.904.397	2.327.069.170.076

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản phải thu khách hàng có giá trị sổ là 460.029 triệu VND (1/1/2019: 418.212 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

(*) Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là các công ty liên quan như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	129.822.352.439	68.972.221.743
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức	47.594.048.784	67.594.048.784
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	39.464.327.169	42.316.046.239
Các công ty liên quan khác	16.359.260.399	37.334.463
	233.239.988.791	178.919.651.229

Khoản phải thu của khách hàng là các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 ngày đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	90.000.000.000	-
Các công ty liên quan khác	-	1.470.042.156
Bên khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	61.600.000.000	161.600.000.000
Các công ty khác	12.291.444.792	9.452.400.000
	163.891.444.792	172.522.442.156

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 7% đến 10% (2018: 6,5% đến 11%).

10. Phải thu khác**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	537.714.824.026	505.264.408.312
Phải thu lãi cho vay	108.490.160.101	130.356.488.347
Phải thu chuyển nhượng dự án đầu tư	10.000.000.000	20.000.000.000
Góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (*)	225.000.000.000	225.000.000.000
Phải thu các khoản tạm ứng	13.423.239.425	50.363.943.192
Ký cược, ký quỹ	67.942.745.612	60.082.705.035
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các hợp đồng cho thuê tài sản	31.097.155.583	29.669.163.880
Phải thu từ tiền phạt hợp đồng	29.619.799.850	24.727.366.823
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	20.584.312.082	12.528.489.621
Phải thu người lao động	4.869.040.422	1.204.483.872
Phải thu về cổ phần hóa	5.112.133.324	5.218.333.324
Các khoản chi hộ	3.029.332.110	2.884.767.953
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm đang chờ xử lý	-	11.480.107.451
Phải thu khác	15.984.600.194	50.006.008.213
	1.072.867.342.729	1.128.786.266.023

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(*) Ngày 28 tháng 4 năm 2018, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, công ty con cấp 1 của Tập đoàn, đã có biên bản thanh lý hợp đồng góp vốn vào các hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát tại Dự án Khu công nghiệp Đồng Mai trị giá 225 tỷ VND với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền này trước tháng 6 năm 2019. Khoản phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này đang được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Cơ quan Tổng giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định điều chỉnh hồi tố thông tin so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 liên quan đến vấn đề này (Thuyết minh 48).

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	278.000.000.000	195.000.000.000
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	12.600.000.000	12.600.000.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	53.623.680.000	46.920.720.000
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	33.204.124.800	16.602.062.400
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	24.637.500.000	98.550.000.000
Các công ty liên quan khác	33.844.908.039	36.522.953.200
	435.910.212.839	406.195.735.600

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
Góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (i)	62.532.895.759	43.532.895.759
Phải thu tiền bồi thường đất từ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	102.922.594.796	119.322.594.796
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các hợp đồng cho thuê tài sản	193.247.416.406	208.451.853.740
Ký quỹ, ký cược dài hạn	15.233.531.413	44.963.966.346
Phải thu dài hạn khác	39.974.567.136	34.480.498.159
	413.911.005.510	450.751.808.800

(i) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2019			1/1/2019			
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	Trên 3 năm	33.913.572.750	(33.913.572.750)	-	Trên 3 năm	34.945.572.750	(34.945.572.750)	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	Trên 3 năm	40.313.792.764	(40.313.792.764)	-	Trên 3 năm	40.343.792.764	(40.293.065.415)	50.727.349
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Hà Đông	Trên 3 năm	29.921.566.760	(29.921.566.760)	-	Trên 3 năm	29.931.566.760	(29.931.566.760)	-
Các khách hàng khác	2 đến 3 năm	240.856.325.906	(195.406.996.073)	45.449.329.833	Trên 2 năm	227.110.520.085	(219.587.502.939)	7.523.017.146
		<u>345.005.258.180</u>	<u>(299.555.928.347)</u>	<u>45.449.329.833</u>		<u>332.331.452.359</u>	<u>(324.757.707.864)</u>	<u>7.573.744.495</u>
Nợ trong hạn nhưng khó có khả năng thu hồi								
Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương		102.922.594.796	(102.922.594.796)	-		119.322.594.796	(119.322.594.796)	-
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(299.555.928.347)				(324.757.707.864)	
Dự phòng phải thu khó đòi – dài hạn			(102.922.594.796)				(119.322.594.796)	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Hàng tồn kho**

	31/12/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	183.458.465.415	-
Nguyên vật liệu	1.141.187.366.798	(7.642.752.163)
Công cụ và dụng cụ	4.242.030.785	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.264.423.321.410	(8.229.414.350)
Thành phẩm	995.538.642.195	(46.959.322.185)
Hàng hóa	32.163.162.884	(2.314.646.693)
Hàng gửi đi bán	76.711.051.983	-
	3.697.724.041.470	(65.146.135.391)
	1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	241.188.774.983	-
Nguyên vật liệu	1.716.295.046.898	(25.800.856.949)
Công cụ và dụng cụ	13.333.729.930	(38.649.660)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.443.684.496.374	(6.432.009.319)
Thành phẩm	1.307.155.004.277	(85.233.153.971)
Hàng hóa	54.894.043.096	(1.958.173.477)
Hàng gửi đi bán	186.611.094.356	-
	4.963.162.189.914	(119.462.843.376)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 532.414 triệu VND (1/1/2019: 837.054 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có 459.517 triệu VND nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang, thành phẩm và hàng hóa (1/1/2019: 487.823 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	3.752.055.452.389	9.260.142.750.658	363.067.834.525	97.939.330.868	162.849.615.924	13.636.054.984.364
Tăng trong năm	40.618.927.702	130.489.801.749	13.526.784.428	3.632.752.060	9.729.143.160	197.997.409.099
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	226.034.326.754	439.336.544.434	2.582.890.338	1.290.318.182	13.342.650.557	682.586.730.265
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	(43.816.622.581)	-	-	-	(43.816.622.581)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(122.723.013.122)	-	-	-	-	(122.723.013.122)
Thanh lý	(47.384.401.856)	(213.104.861.519)	(9.283.321.442)	(2.303.791.028)	(1.713.102.599)	(273.789.478.444)
Xóa sổ	(3.939.278.498)	(1.410.214.082)	-	-	-	(5.349.492.580)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	(317.029.455.963)	(835.303.749.226)	(49.724.492.023)	(6.776.332.384)	(4.004.363.945)	(1.212.838.393.541)
Phân loại lại	169.000.090	7.510.112.899	(11.204.435.435)	3.159.939.665	365.382.781	-
Số dư cuối năm	3.527.801.557.496	8.743.843.762.332	308.965.260.391	96.942.217.363	180.569.325.878	12.858.122.123.460

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.250.936.977.169	4.860.059.391.673	198.801.079.163	53.136.745.111	94.949.129.964	6.457.883.323.080
Khấu hao trong năm	171.491.887.151	569.768.228.342	24.760.850.203	6.939.799.293	13.917.507.850	786.878.272.839
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	(23.267.457.823)	-	-	-	(23.267.457.823)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(17.264.656.602)	-	-	-	-	(17.264.656.602)
Thanh lý	(15.819.556.799)	(173.513.354.469)	(7.270.697.590)	(653.441.590)	(886.849.177)	(198.143.899.625)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	(200.531.056.926)	(485.698.147.920)	(30.354.755.011)	(4.639.191.503)	(2.741.617.078)	(723.964.768.438)
Phân loại lại	130.141.131	11.170.730.081	(11.204.435.435)	(461.818.558)	365.382.781	-
Số dư cuối năm	1.188.943.735.124	4.758.519.389.884	174.732.041.330	54.322.092.753	105.603.554.340	6.282.120.813.431
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	2.501.118.475.220	4.400.083.358.985	164.266.755.362	44.802.585.757	67.900.485.960	7.178.171.661.284
Số dư cuối năm	2.338.857.822.372	3.985.324.372.448	134.233.219.061	42.620.124.610	74.965.771.538	6.576.001.310.029

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 1.785.513 triệu VND (1/1/2019: 1.702.144 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 3.986 triệu VND (1/1/2019: 5.821 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 5.422.460 triệu VND (1/1/2019: 5.746.807 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	61.967.122.023	1.198.728.546	63.165.850.569
Tăng trong năm	40.451.769.207	322.666.674	40.774.435.881
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	12.750.815.362	-	12.750.815.362
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	43.816.622.581	-	43.816.622.581
Số dư cuối năm	158.986.329.173	1.521.395.220	160.507.724.393
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	8.763.009.106	139.851.670	8.902.860.776
Khấu hao trong năm	7.173.001.000	201.696.038	7.374.697.038
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	23.267.457.823	-	23.267.457.823
Số dư cuối năm	39.203.467.929	341.547.708	39.545.015.637
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	53.204.112.917	1.058.876.876	54.262.989.793
Số dư cuối năm	119.782.861.244	1.179.847.512	120.962.708.756

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	149.749.365.598	18.323.028.045	2.001.661.600	170.074.055.243
Tăng trong năm	141.853.400	10.556.236.843	-	10.698.090.243
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	(7.135.943.519)	(712.488.684)	(900.000.000)	(8.748.432.203)
Số dư cuối năm	142.755.275.479	28.166.776.204	1.101.661.600	172.023.713.283
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	24.128.893.232	12.499.536.970	782.915.509	37.411.345.711
Khấu hao trong năm	2.833.505.113	10.101.826.423	89.005.000	13.024.336.536
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	(416.169.659)	(441.945.735)	(200.000.000)	(1.058.115.394)
Số dư cuối năm	26.546.228.686	22.159.417.658	671.920.509	49.377.566.853
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	125.620.472.366	5.823.491.075	1.218.746.091	132.662.709.532
Số dư cuối năm	116.209.046.793	6.007.358.546	429.741.091	122.646.146.430

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 7.025 triệu VND (1/1/2019: 7.025 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Hạ tầng khu công nghiệp VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	155.150.373.372	56.167.356.276	211.317.729.648
Tăng trong năm	55.405.177.880	1.466.749.768	56.871.927.648
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	696.539.940	696.539.940
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	122.723.013.122	122.723.013.122
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	-	(12.843.968.512)	(12.843.968.512)
Thanh lý	(1.516.963.673)	-	(1.516.963.673)
Số dư cuối năm	209.038.587.579	168.209.690.594	377.248.278.173
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	8.387.636.296	24.414.669.564	32.802.305.860
Khấu hao trong năm	5.147.094.631	8.338.249.613	13.485.344.244
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	17.264.656.602	17.264.656.602
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	-	(9.863.367.680)	(9.863.367.680)
Thanh lý	(737.881.043)	-	(737.881.043)
Số dư cuối năm	12.796.849.884	40.154.208.099	52.951.057.983
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	146.762.737.076	31.752.686.712	178.515.423.788
Số dư cuối năm	196.241.737.695	128.055.482.495	324.297.220.190

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn bao gồm:

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định là văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú là các căn hộ cho thuê tại Chung cư Nhân Phú, Số 26, Đường 7, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Dệt May Nam Định là Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định;

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối là hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, hệ thống cây xanh, mặt bằng, văn phòng điều hành tại Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên; và
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex là hệ thống cơ sở hạ tầng và nhà máy May Tuyên Quang tại Xã Phúc Ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang và hệ thống cơ sở hạ tầng cây xanh, mặt bằng, kho, nhà sản xuất của nhà máy may Hải Phòng tại Khu công nghiệp Tân Liên, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng.

Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	690.509.110.384	1.292.091.470.162
Tăng trong năm	410.217.623.309	796.751.237.708
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(682.586.730.265)	(1.387.627.200.862)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(720.000.000)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(696.539.940)	(831.565.455)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	(12.750.815.362)	(9.154.831.169)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	(83.383.079.298)	-
Xóa sổ	(24.268.740.189)	-
Vốn hóa chi phí chạy thử	7.871.127.972	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	304.911.956.611	690.509.110.384

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
▪ Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ		
• Nhà máy Sợi Nam Định	18.858.345.490	17.326.009.802
• Dự án Khu liên hợp Sợi - Dệt - Nhuộm - May Quảng Nam	4.779.604.583	116.759.471.318
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3		
• Nhà máy Sợi 2	148.557.693	214.563.787.967
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
• Dự án Nhà máy May	3.099.914.454	3.099.914.454
• Văn phòng Ngô Thì Nhậm	20.669.233.014	36.669.233.014
• Nhà máy Sợi Hưng Yên	5.973.859.190	5.973.859.190
• Dự án Nhà máy Sản xuất vải Vinafa	30.768.928.375	30.768.928.375
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam		
• Trang trại trồng bông công nghệ cao Đắk Lắk	-	12.493.091.904

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ		
• Đầu tư xây dựng Tổ hợp Trung tâm May Đo Thời trang - Showroom - Văn phòng cho thuê	26.342.272.713	-
• Cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải	2.841.983.614	-
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
• Nhà máy Dệt Nhuộm	-	10.500.489.959
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
• Dự án May Nghi Lâm	40.728.693.862	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam – Hanosimex		
• Công trình xây dựng Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam Hanosimex	18.857.851.051	17.290.017.451
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
• Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động lực	315.045.271	577.844.086
• Dự án Khu Công nghiệp Hoà Xá	13.262.879.215	13.262.879.215
• Các công trình khác	32.974.765.097	8.668.283.501
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú		
• Máy móc thiết bị	7.476.331.976	7.587.033.077
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
• Phân xưởng may	-	5.217.294.875
• Khuôn viên nhà 14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Lâm Đồng - Đà Lạt	-	6.993.979.466
• Dự án khăn bông và vải denim	-	16.139.806.496
• Dự án chuyển đổi nhà xưởng vải sang nhà xưởng may	12.006.765.900	-
• Cải tạo dây chuyền in ngành gia dụng	2.259.746.295	-
▪ Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Dệt may Phố Nối		
• Hệ thống xử lý nước thải	9.909.904.894	16.061.813.845
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Hoàng Thị Loan		
• Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	-	25.863.971.739
▪ Các công trình khác	53.637.273.924	124.691.400.650
	304.911.956.611	690.509.110.384

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 35.567 triệu VND (1/1/2019: 583.224 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 3.750 triệu VND (2018: 1.893 triệu VND).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Trả trước phí bảo hiểm	14.514.864.161	4.297.869.772
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	8.957.276.927	4.124.839.490
Công cụ dụng cụ	11.198.995.818	9.636.495.306
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	11.518.706.207	8.626.108.977
	46.189.843.113	26.685.313.545

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng trả trước VND	Công cụ, dụng cụ VND	Phụ tùng thay thế VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Chênh lệch tỷ giá (*) VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	187.982.306.791	32.037.852.658	76.732.421.855	14.930.765.079	34.098.319.686	9.087.638.620	43.154.534.175	398.023.838.864
Tăng trong năm	60.265.550.515	-	44.800.939.020	5.729.989.748	18.718.975.819	-	45.986.587.277	175.502.042.379
Phân bổ trong năm	(14.584.172.900)	(8.359.721.485)	(57.985.659.941)	(4.070.531.864)	(24.274.304.401)	(3.029.212.872)	(21.458.245.312)	(133.761.848.775)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	(9.759.750.393)	-	(1.820.107.227)	(39.835.335)	(1.144.662.728)	-	(37.973.195.335)	(50.737.551.018)
Thanh lý	(774.615.869)	-	(2.192.303.295)	-	(4.087.080.899)	-	-	(7.054.000.063)
Số dư cuối năm	223.129.318.144	23.678.131.173	59.535.290.412	16.550.387.628	23.311.247.477	6.058.425.748	29.709.680.805	381.972.481.387

(*) Việc hạch toán chênh lệch tỷ giá được trình bày ở Thuyết minh 3(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, chi phí trả trước dài hạn có giá trị ghi sổ là 11.265 triệu VND (1/1/2019: không có) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20%	2.343.321.126	1.479.176.660
Các khoản mục khác	20%	2.303.793.928	4.514.194.066
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		4.647.115.054	5.993.370.726
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Các khoản dự phòng	20%	62.239.358.739	55.700.980.180

20. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư đầu năm và cuối năm	57.604.599.256
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	54.518.220.300
Khấu hao trong năm	3.086.378.956
Số dư cuối năm	57.604.599.256
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	3.086.378.956
Số dư cuối năm	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải trả người bán là các công ty liên quan (*)	172.423.409.011	105.086.780.392
Phải trả người bán khác	1.177.393.131.788	1.207.353.456.338
	<u>1.349.816.540.799</u>	<u>1.312.440.236.730</u>

(*) Chi tiết các khoản phải trả người bán là các công ty liên quan như sau:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	62.592.362.801	-
Công ty TNHH Coats Phong Phú	52.016.834.147	51.230.741.233
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	27.395.165.300	39.316.412.046
Công ty Cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai	21.812.092.514	-
Tổng Công ty May 10 – CTCP	5.308.001.975	-
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	1.892.851.344	-
Tổng Công Ty May Nhà Bè – CTCP	483.390.499	-
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	76.287.430	14.415.837.714
Các công ty liên quan khác	846.423.001	123.789.399
	<u>172.423.409.011</u>	<u>105.086.780.392</u>

Khoản phải trả các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 ngày đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã được hoàn/ bù trừ trong năm VND	Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con VND	31/12/2019 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.290.643.391	3.951.582.620	(13.016.726.440)	(59.092.674)	2.166.406.897
Thuế xuất nhập khẩu	1.150.920.661	654.853.709	(1.403.631.066)	-	402.143.304
Các loại thuế khác	2.694.891.544	2.831.802.123	(4.953.558.747)	(26.696.891)	546.438.029
Các khoản khác	86.734.219	1.427.611	-	-	88.161.830
	15.223.189.815	7.439.666.063	(19.373.916.253)	(85.789.565)	3.203.150.060

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ được hoàn trong năm VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào/số phải thu VND	Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	26.088.037.254	562.825.343.923	-	(390.972.839.268)	(165.160.381.727)	(3.416.457.272)	29.363.702.910
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	13.689.148.104	(13.672.985.705)	-	-	16.162.399
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.763.223.122	-	41.278.095.976	(48.462.161.346)	-	(1.973.144.639)	8.606.013.113
Thuế thu nhập cá nhân	7.387.478.968	-	39.802.097.782	(38.494.388.501)	-	(311.110.852)	8.384.077.397
Thuế tài nguyên	144.799.653	-	1.883.754.482	(1.732.643.518)	-	(291.071)	295.619.546
Thuế nhà đất	13.752.101.178	-	1.112.276.595	(1.090.431.773)	-	-	13.773.946.000
Tiền thuê đất	17.150.917.325	-	42.809.393.329	(57.954.072.726)	-	(2.006.237.928)	-
Các loại thuế khác	45.053.764	-	3.601.499.164	(3.643.523.583)	-	-	3.029.345
	82.331.611.264	562.825.343.923	144.176.265.432	(556.023.046.420)	(165.160.381.727)	(7.707.241.762)	60.442.550.710

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Chi phí phải trả****(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	45.931.987.781	49.622.386.642
Chi phí mua sắm tài sản cố định, xây dựng nhà xưởng	7.458.605.289	6.244.307.466
Chi phí gia công thuê ngoài	7.300.891.855	4.841.847.649
Phí hoa hồng	6.585.089.728	7.078.538.027
Chi phí cải tạo, sửa chữa	1.626.461.433	20.604.944.282
Chi phí hoạt động	8.461.676.816	5.312.805.942
Chi phí thuê đất, nhà xưởng	2.304.124.079	4.904.976.118
Chi phí phải trả khác	9.841.263.893	13.811.527.871
	89.510.100.874	112.421.333.997

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	24.665.472.000	25.614.144.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(948.672.000)	(948.672.000)
	23.716.800.000	24.665.472.000

(*) Phản ánh số tiền thuê đất tại Số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 50 năm (từ ngày 14 tháng 3 năm 2005 đến ngày 14 tháng 3 năm 2055) được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo năm 2012 của Tập đoàn Dệt may Việt Nam (trước đây là Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam) của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (*)	360.509.747.843	360.509.747.843
Phải trả cổ tức	5.519.860.883	73.126.676.721
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	30.096.315.904	35.792.081.114
Phải trả lãi vay cho công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	15.317.470.886	20.117.470.886
Phải trả lãi vay khác	6.271.087.244	14.237.106.733
Quỹ từ thiện	3.783.576.478	4.070.700.155
Vốn xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của Tập đoàn cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN (Thuyết minh 6)	7.562.091.012	7.562.091.012
Phải trả về cổ phần hóa	5.722.638.728	5.705.200.229
Phải trả tiền hỗ trợ xây dựng nhà máy	-	11.986.748.090
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn	1.186.167.455	439.607.118
Các khoản phải trả khác	31.476.844.151	70.601.642.335
	467.445.800.584	604.149.072.236

(*) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ chuyển đổi sang công ty cổ phần theo Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ (“Công văn 17623”). Theo Công văn 17623, Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp số tiền này về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn phải nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc giữa Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Nhận tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (*)	60.127.606.563	45.037.427.000
Nhận góp vốn dài hạn	5.226.000.000	6.826.000.000
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	9.212.500.000	14.212.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	21.372.236.867	21.005.654.052
	95.938.343.430	87.081.581.052

(*) Phản ánh giá trị các bên khác góp vốn vào Dự án xây dựng nhà văn phòng của Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, tại Số 67 Phố Ngô Thì Nhậm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày báo cáo, các bên góp vốn chưa có kế hoạch cụ thể để xây dựng dự án.

25. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Doanh thu nhận trước	342.091.257.276	244.232.173.047
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(13.679.365.174)	(10.990.211.459)
	328.411.892.102	233.241.961.588

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2019		Biến động trong năm		Chênh lệch tỷ giá VND	31/12/2019
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con VND		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	5.006.819.891.406	14.044.321.353.891	(14.379.669.674.494)	(742.526.703.697)	(54.502.137)	3.928.890.364.969
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 26(b)(i))	569.998.758.238	476.668.416.518	(440.097.769.003)	(32.645.580.268)	(90.498.291)	573.833.327.194
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	130.000.000.000	-	(130.000.000.000)	-	-	-
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	20.127.416.832	31.976.280.079	(23.265.071.723)	-	(18.343.476)	28.820.281.712
Nợ dài hạn khác đến hạn trả trong vòng 12 tháng	880.410.000	-	(440.205.000)	(440.205.000)	-	-
	5.727.826.476.476	14.552.966.050.488	(14.973.472.720.220)	(775.612.488.965)	(163.343.904)	4.531.543.973.875

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, trong khoản vay ngắn hạn có 2.126.673 triệu VND (1/1/2019: 2.062.111 triệu VND) là các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 tổng cộng là 2.204.249 triệu VND (1/1/2019: 2.340.107 triệu VND) (các Thuyết minh 6, 7, 8, 12, 13, 17 và 18). Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 1,5% đến 10% (2018: 1,3% đến 10,5%).

Các khoản vay ngắn hạn còn lại là các khoản vay tín chấp từ ngân hàng và chịu lãi suất năm từ 1,8% đến 10% (2018: 1,3% đến 9,5%).

(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay dài hạn (i)	4.534.609.224.579	5.150.463.976.252
Trái phiếu thường	-	130.000.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	71.960.273.583	38.082.409.758
Nợ dài hạn khác	17.899.543.721	35.865.983.097
	<hr/>	<hr/>
	4.624.469.041.883	5.354.412.369.107
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 26(a))	(602.653.608.906)	(721.006.585.070)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	4.021.815.432.977	4.633.405.784.037

(i) Vay dài hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, trong khoản vay dài hạn bao gồm:

- 2.084.668 triệu VND (1/1/2019: 2.508.432 triệu VND) là khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 4.415.282 triệu VND (1/1/2019: 5.586.230 triệu VND) (các Thuyết minh 6, 7, 8, 12, 13, 17 và 18). Các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 2,5% đến 10,5% (2018: từ 2,5% đến 11%).
- khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Châu Á với giá trị ghi sổ 1.625.777 triệu VND (1/1/2019: 1.626.827 triệu VND). Khoản vay này có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 143.898 triệu VND (1/1/2019: 162.741 triệu VND);
 - một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3, Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú; và
 - các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2019: khoản tương đương tiền của tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị 110.000 triệu VND).
- Các khoản vay từ cá nhân dưới dạng tín chấp và chịu lãi suất năm từ 2,5% đến 10% (2018: từ 2,5% đến 11%).

27. Dự phòng phải trả

Biến động của các khoản dự phòng phải trả trong năm như sau:

	Chi phí di dời VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	68.001.284.965	2.675.092.625	70.676.377.590
Dự phòng trích lập trong năm	-	2.746.088.196	2.746.088.196
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(43.335.616.395)	-	(43.335.616.395)
Số dư cuối năm	24.665.668.570	5.421.180.821	30.086.849.391
<i>Trong đó:</i>			
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	2.314.337.751	2.314.337.751
Dự phòng phải trả dài hạn	24.665.668.570	3.106.843.070	27.772.511.640

Dự phòng chi phí di dời liên quan đến chi phí di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đến cơ sở sản xuất kinh doanh mới.

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	151.092.984.303	155.227.742.100
Trích lập trong năm	87.663.704.494	83.806.048.575
Sử dụng trong năm	(75.016.870.085)	(87.940.806.372)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	(2.889.902.100)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	160.849.916.612	151.092.984.303

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Nguồn kinh phí và các quỹ khác VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2018	5.000.000.000.000	29.911.650.892	42.248.630.739	(742.835.089.736)	494.461.905.677	10.981.645.059	569.477.391.709	550.677.792.232	1.833.965.919.812	7.788.889.846.384	32.422.652.022	7.821.312.498.406
Vốn góp/vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-	14.840.260.000	14.840.260.000	-	14.840.260.000
Nguồn kinh phí nhận từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	39.992.602	-	94.652.898	134.645.500	-	134.645.500
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	438.096.563.180	-	264.519.488.598	702.616.051.778	-	702.616.051.778
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	35.402.656.207	-	(35.402.656.207)	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(67.440.039.224)	-	(16.366.009.351)	(83.806.048.575)	-	(83.806.048.575)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	2.472.634.840	-	-	-	-	-	2.472.634.840	-	2.472.634.840
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(4.009.127.492)	-	-	-	(2.249.162.860)	(6.258.290.352)	(2.041.627.020)	(8.299.917.372)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(250.000.000.000)	-	(171.321.716.491)	(421.321.716.491)	-	(421.321.716.491)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(26.296.361.854)	(26.296.361.854)	-	(26.296.361.854)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty liên kết làm thay đổi ảnh hưởng đáng kể với các công ty liên kết này	-	-	-	-	-	-	(4.635.975.634)	-	-	(4.635.975.634)	-	(4.635.975.634)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát với các công ty con này	-	-	-	-	-	-	(1.243.138.174)	-	1.243.138.174	-	-	-
Phân loại lại	-	-	-	-	-	(10.981.645.059)	10.981.645.059	-	-	-	-	-
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	891.109.567	-	(2.678.937.761)	-	870.703.308	(917.124.886)	-	(917.124.886)
Số dư tại ngày 1/1/2019	5.000.000.000.000	29.911.650.892	42.248.630.739	(740.362.454.896)	526.746.543.959	-	657.194.845.550	550.677.792.232	1.899.300.912.234	7.965.717.920.710	30.381.025.002	7.996.098.945.712
Vốn góp/vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-	23.107.250.000	23.107.250.000	-	23.107.250.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	518.732.727.686	-	197.604.937.178	716.337.664.864	-	716.337.664.864
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	21.322.272.796	-	(21.322.272.796)	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(76.252.061.332)	-	(11.411.643.162)	(87.663.704.494)	-	(87.663.704.494)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(1.087.554.708)	-	-	-	(1.127.068.458)	(2.214.623.166)	(2.041.627.020)	(4.256.250.186)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(300.000.000.000)	-	(154.668.017.443)	(454.668.017.443)	-	(454.668.017.443)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	-	-	(6.365.250.000)	-	-	-	-	-	(204.647.177.843)	(211.012.427.843)	-	(211.012.427.843)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát với các công ty con này	-	-	-	-	-	-	3.958.575.150	-	(3.958.575.150)	-	-	-
Mua thêm tỷ lệ lợi ích tại công ty con từ các cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(41.921.339.560)	-	(9.378.660.440)	(51.300.000.000)	-	(51.300.000.000)
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	3.823.815.234	727.901.159	(3.371.305.295)	-	(1.368.837.950)	-	13.194.008.435	13.005.581.583	-	13.005.581.583
Số dư tại ngày 31/12/2019	5.000.000.000.000	29.911.650.892	39.707.195.973	(739.634.553.737)	543.609.956.752	-	739.021.636.748	550.677.792.232	1.748.015.965.351	7.911.309.644.211	28.339.397.982	7.939.649.042.193

(*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch phát sinh khi định giá lại giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ chuyển thành công ty cổ phần. Do phần vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ trong các công ty nhận đầu tư vẫn được phân ánh theo giá gốc của khoản đầu tư chứ không phải giá trị được xác định lại, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại và giá gốc của các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận là một khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là:

	31/12/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành		
	31/12/2019 và 1/1/2019		
	Số cổ phiếu	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Tập đoàn Vingroup - CTCP (*)	50.000.000	500.000.000.000	10,00%
ITOCHU Textile Prominent (ASIA) Limited	65.000.000	650.000.000.000	13,00%
Ông Bùi Mạnh Hưng	30.000.000	300.000.000.000	6,00%
Các cổ đông khác	87.561.900	875.619.000.000	17,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

(*) Đây là cổ đông chiến lược của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 5 năm kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu. Trong trường hợp đặc biệt cổ đông chiến lược cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 24 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2018 là 300.000 triệu VND (tỷ lệ 6% trên mệnh giá) (2018: 250.000 triệu VND (tỷ lệ 5% trên mệnh giá)).

32. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

33. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Nguồn chuyển mục đích sử dụng đất		
▪ Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ	235.664.195.144	235.664.195.144
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	170.496.650.079	170.496.650.079
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	136.932.000.000	136.932.000.000
Nguồn khác	7.584.947.009	7.584.947.009
	<hr/>	<hr/>
	550.677.792.232	550.677.792.232

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn chuyển mục đích sử dụng đất được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Trong vòng một năm	48.077.156.998	24.233.316.886
Trong vòng hai đến năm năm	135.652.138.384	107.993.093.534
Sau năm năm	219.537.525.087	130.799.476.066
	403.266.820.469	263.025.886.486

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.521.279	55.659.819.769	5.884.734	135.819.847.264
EUR	2.766	71.336.568	28.888	831.597.075
		55.731.156.337		136.651.444.339

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	Không có khả năng thu hồi	2011	6.193.939.787	6.193.939.787
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19-5 Hà Nội	Không có khả năng thu hồi	2011	4.220.231.656	4.220.231.656
Phải thu các đối tượng khác	Không có khả năng thu hồi		12.673.783.224	15.622.379.174
			23.087.954.667	26.036.550.617

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(d) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.009.242.614.928	476.992.292.584
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	129.483.231.404	114.835.947.603
	<u>1.138.725.846.332</u>	<u>591.828.240.187</u>

35. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2019 VND	2018 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	18.372.804.065.493	18.501.536.811.163
▪ Cung cấp dịch vụ và gia công	378.687.808.362	260.576.214.300
▪ Cho thuê lại đất thuê	33.276.475.474	93.735.861.183
▪ Bán và cho thuê bất động sản	237.912.376.299	280.308.763.347
	<u>19.022.680.725.628</u>	<u>19.136.157.649.993</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(14.455.680.956)	(17.819.148.482)
▪ Giảm giá hàng bán	(1.536.313.200)	(1.952.050.680)
▪ Hàng bán bị trả lại	(20.682.334.675)	(14.920.318.663)
	<u>(36.674.328.831)</u>	<u>(34.691.517.825)</u>
Doanh thu thuần	<u>18.986.006.396.797</u>	<u>19.101.466.132.168</u>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Giá vốn hàng bán**

	2019 VND	2018 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm và hàng hóa đã bán	17.115.426.604.406	16.816.028.775.628
▪ Dịch vụ đã cung ứng	187.439.445.294	190.374.202.367
▪ Cho thuê lại đất thuê	194.055.828.295	173.950.617.977
▪ Bán và cho thuê bất động sản	27.578.239.804	93.151.186.176
▪ (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(54.316.707.985)	26.961.958.887
	<hr/> 17.470.183.409.814	<hr/> 17.300.466.741.035

37. Doanh thu hoạt động tài chính

	2019 VND	2018 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	128.761.901.521	136.801.660.753
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	15.242.778.513	63.547.530.135
Cổ tức được chia	25.721.537.665	24.188.298.245
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.070.706.923	75.524.687.584
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.339.023.602	11.544.418.686
Lãi do thoái vốn đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh 5)	122.454.786.167	1.845.786.691
Lãi do thanh lý công ty liên kết	15.975.264.932	7.181.233.855
Doanh thu hoạt động tài chính khác	13.762.379.675	3.800.614.908
	<hr/> 366.328.378.998	<hr/> 324.434.230.857

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***38. Chi phí tài chính**

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	517.331.839.298	457.300.477.034
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	6.398.267.991	11.879.251.337
Lỗ do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại các công ty liên kết	4.699.153.168	1.014.502.289
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.298.641.439	95.946.585.244
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.023.697.951	66.595.352.522
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	2.472.852.949	4.094.816.429
Chi phí tài chính khác	2.110.060.768	7.054.467.676
	<hr/>	<hr/>
	549.334.513.564	643.885.452.531
	<hr/>	<hr/>

39. Chi phí bán hàng

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	86.546.319.271	77.472.886.558
Chi phí công cụ và dụng cụ	10.006.952.077	10.361.164.693
Chi phí khấu hao và phân bổ	7.363.396.862	5.246.679.088
Chi phí vận chuyển	148.989.720.208	156.327.690.135
Chi phí quảng cáo khuyến mãi	5.026.109.863	7.899.512.082
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.478.835.167	127.188.682.429
Chi phí bao bì	28.447.190.682	37.894.504.169
Chi phí hoa hồng	32.778.774.280	32.958.922.815
Chi phí xuất nhập khẩu	24.963.314.659	20.550.788.943
Chi phí bán hàng khác	74.038.538.637	60.662.285.274
	<hr/>	<hr/>
	548.639.151.706	536.563.116.186
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***40. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên văn phòng	375.213.683.102	425.138.500.518
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	26.237.013.156	29.376.940.546
Chi phí khấu hao và phân bổ (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	44.254.093.338 (41.601.779.517)	49.694.561.860 28.540.250.869
Thuế, phí và lệ phí	24.080.669.525	40.232.416.559
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.770.133.933	101.424.326.981
Tiền thuê đất	25.292.489.918	25.243.148.057
Công tác phí	20.454.476.370	25.651.405.715
Chi phí tiếp khách	14.590.353.443	16.715.792.217
Chi phí đào tạo	4.115.928.932	5.006.306.553
Chi phí khác	161.713.561.426	146.971.636.904
	<hr/> 758.120.623.626	<hr/> 893.995.286.779

41. Thu nhập khác

	2019 VND	2018 VND
Lãi từ thanh lý tài sản dài hạn	9.964.729.948	25.956.046.623
Tiền đền bù, giải phóng mặt bằng nhận được từ các bên khác	5.231.015.254	18.551.002.556
Bán phế liệu	-	311.881.302
Thu từ hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	1.955.440.003	2.131.292.893
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	11.457.644.240	1.780.266.580
Nợ phải trả được xóa tại một công ty con của Tập đoàn sau khi hoàn thành giải phóng mặt bằng	-	76.095.142.053
Hỗ trợ	16.747.519.047	-
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	12.000.000.000	-
Gốc vay được xóa	2.000.000.000	-
Thu từ các khoản khác	26.694.822.876	23.253.178.820
	<hr/> 86.051.171.368	<hr/> 148.078.810.827

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***42. Chi phí khác**

	2019 VND	2018 VND
Lỗ do thanh lý tài sản dài hạn và chi phí thanh lý	2.519.526.962	21.662.546.763
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	6.459.792.693	6.911.512.493
Phạt vi phạm thuế	3.371.572.984	675.667.628
Chi phí hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	1.783.309.000	2.000.307.685
Chi phí giải phóng mặt bằng	-	61.818.181.818
Chênh lệch chi phí đầu tư dự án Ialop-Daklak sau khi chuyển nhượng	13.398.046.635	-
Tiền thuê đất nộp bổ sung	3.932.747.590	-
Chi các khoản khác	15.799.767.036	17.251.500.918
	<hr/> 47.264.762.900	<hr/> 110.319.717.305 <hr/>

43. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	8.937.563.551.407	7.437.872.535.983
Chi phí nhân viên	3.447.171.938.656	3.773.920.302.859
Chi phí khấu hao	838.433.202.513	889.228.800.886
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.551.242.776.762	2.602.771.918.166
Chi phí khác	2.297.572.908.191	1.805.815.750.908
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**44. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2019 VND	2018 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	38.316.257.818	63.802.192.490
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.961.838.158	664.062.986
	41.278.095.976	64.466.255.476
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	7.884.634.231	(5.681.619.408)
Chi phí thuế thu nhập	49.162.730.207	58.784.636.068

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	765.500.395.071	761.400.687.846
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ	153.100.079.014	152.280.137.569
Ưu đãi thuế	(5.863.256.617)	(5.375.177.238)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(13.364.126.410)	(8.549.237.187)
Chi phí không được khấu trừ thuế	12.621.404.957	22.715.983.735
Thu nhập không bị tính thuế	(145.275.689.437)	(139.368.025.215)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(2.142.454.501)	(6.705.260)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	47.124.935.043	36.423.596.678
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.961.838.158	664.062.986
	49.162.730.207	58.784.636.068

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định của pháp luật thuế hiện hành áp dụng cho từng công ty.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***45. Lãi trên cổ phiếu****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền. Chi tiết như sau:

	2019	2018
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho các cổ đồng công ty mẹ (VND)	518.732.727.686	438.096.563.180
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(76.252.061.332)	(67.440.039.224)
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VND)	442.480.666.354	370.656.523.956
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	500.000.000	500.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	885	741

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa trên cơ sở của số đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận cho năm 2018.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh cho ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm tàng, chi tiết như sau:

	2019	2018
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VND)	442.480.666.354	370.656.523.956
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	500.000.000	500.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm tàng trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (số cổ phiếu) (Thuyết minh 33)	55.067.779	55.067.779
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm) (số cổ phiếu)	555.067.779	555.067.779
Lãi suy giảm trên cổ phiếu trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (VND/cổ phiếu)	797	668

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**46. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2019 VND	2018 VND
Các công ty liên kết		
<i>Công ty TNHH Coats Phong Phú</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	439.018.645.809	350.137.903.821
Mua hàng hóa và dịch vụ	192.597.495.632	124.584.728.295
<i>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.500.132.755	1.393.097.378
Mua hàng hóa và dịch vụ	12.265.000	3.870.766.874
<i>Công ty Cổ phần May Bình Minh</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	746.847.551	350.442.726
Mua hàng hóa và dịch vụ	83.181.818	-
<i>Tổng Công ty May 10 - CTCP</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.468.075.720	442.804.186
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.068.316.373	16.192.455.025
<i>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.845.377.833	2.519.327.395
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.742.293.323	4.859.101.643
<i>Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	17.264.487.006	22.805.064.947
<i>Công ty Cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai</i>		
Cung cấp dịch vụ	20.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam</i>		
Thu nhập tiền lãi	1.799.999.996	1.799.999.996
<i>Công ty Cổ phần May Hữu Nghị</i>		
Cung cấp dịch vụ	9.090.909	-
<i>Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	198.106.540.490	246.497.293.540
<i>Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	903.531.651	6.580.774.139
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.760.317.871	450.791.300

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2019 VND	2018 VND
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.116.619.321	1.021.867.971
Mua hàng hóa và dịch vụ	70.817.115.352	67.717.024.444
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định		
Khoản cho vay	7.400.000.000	12.600.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	10.200.000.000	11.400.000.000
Thu nhập lãi vay	546.662.760	573.528.271
Lãi do người mua chậm trả	150.000.000	197.500.000
Bán hàng hóa	1.167.240.409	1.125.261.054
Thoái vốn	-	2.346.000.000
Công ty Cổ phần May I Dệt Nam Định		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.951.681.440,0	823.542.750,0
Vốn góp	-	692.500.000,0
Công ty Cổ phần Hòa Thọ - Quảng Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	91.907.845	45.839.405
Mua hàng hóa	83.166.271.692	89.522.866.675
Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	20.000.000	79.200.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	80.683.578.851	11.554.806.416
Công ty Cổ phần May Hưng Yên		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	239.971.624	202.155.717
Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu		
Khoản cho vay	-	95.665.454
Hoàn trả gốc vay	1.470.042.156	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	5.000.000.000	12.000.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao đã trả	3.160.009.192	3.345.257.204
Cơ quan Tổng Giám đốc		
Lương và thù lao đã trả	3.845.892.767	3.761.689.606

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***47. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	2019 VND	2018 VND
Vốn hóa chi phí chạy thử	7.871.127.972	-
Tăng tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	40.774.435.881	-
Gốc vay được xóa sổ	2.000.000.000	-
Lãi vay nhập gốc	-	2.375.511.831
Bù trừ khoản phải thu cổ tức và phải trả khác	-	4.526.480.000

48. Số liệu so sánh

Ngày 28 tháng 4 năm 2018, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, công ty con cấp 1 của Tập đoàn đã có biên bản thanh lý hợp đồng góp vốn vào các hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát tại Dự án Khu công nghiệp Đồng Mai trị giá 225 tỷ VND. Khoản góp vốn này được ghi nhận là phải thu dài hạn khác thay vì phải thu ngắn hạn khác trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Trong năm, Cơ quan Tổng giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định điều chỉnh hồi tố thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 liên quan đến vấn đề này.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2019 (đã điều chỉnh lại) VND	1/1/2019 (theo báo cáo trước đây) VND
Phải thu ngắn hạn khác	1.128.786.266.023	903.786.266.023
Phải thu dài hạn khác	450.751.808.800	675.751.808.800

Ngoại trừ điều chỉnh nói trên, số liệu so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ngày 7 tháng 4 năm 2020

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toán



Lê Tiên Trường
Tổng Giám đốc

Phụ lục 1

Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019
1	Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	100%	100%	115.815.363.458	115.815.363.458	-	-
2	Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	100%	100%	156.584.867.884	156.584.867.884	-	-
3	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	80,74%	80,74%	24.852.076.451	24.852.076.451	17.282.879.453	17.282.879.453
4	Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (i)	56,68%	66,51%	39.196.265.350	39.196.265.350	625.000.000	3.321.637.541
5	Công ty Cổ phần Phát Triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	51,00%	51,00%	41.822.531.336	41.822.531.336	-	-
6	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hoà Thọ	64,96%	64,96%	189.153.465.950	189.153.465.950	-	-
	Công ty Cổ phần Len Việt Nam (ii)	-	68,77%	-	28.259.101.159	-	1.337.103.882
7	Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	23.107.500.000	23.107.500.000	-	-
8	Công ty Cổ phần Dệt May Huế	63,90%	63,90%	181.864.228.000	181.864.228.000	-	-
9	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	81.555.023.813	-	-
	Công ty Cổ phần Bông Việt Nam (ii)	-	55,00%	-	24.750.000.000	-	-
	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex (iii)	-	51,06%	-	41.130.079.185	-	5.000.000.000
10	Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	50,10%	50,10%	529.510.310.129	529.510.310.129	-	-
11	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex	100%	100%	521.697.862.979	521.697.862.979	-	-
12	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	100%	100%	191.301.358.205	191.301.358.205	-	-
13	Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng (iv)	59,74%	52%	33.800.000.000	13.000.000.000	-	-

- (i) Trong năm, Tập đoàn đã thanh lý Công ty Cổ phần Bông Việt Nam – Công ty con cấp 1, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.
- (ii) Đây là công ty con thanh lý trong năm.
- (iii) Trong năm, các cổ đông thiểu số của Công ty này đã mua thêm cổ phần, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty này. Công ty này trở thành công ty liên kết của Tập đoàn.
- (iv) Trong năm, công ty đã phát hành thêm cổ phiếu cho Tập đoàn và các cổ đông khác, qua đó làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty này.

Phụ lục 2

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ									
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	49,94%	49,94%	76,88%	76,88%	2.667.900.000	2.667.900.000	-	-
2	Công ty May Hòa Thọ - Hội An	35,19%	35,19%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	5.418.000.000	-	-
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	53,09%	53,09%	81,73%	81,73%	8.173.000.000	8.173.000.000	-	-
4	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	64,96%	64,96%	100%	100%	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
5	Công ty Cổ phần Hòa Thọ Thăng Bình (i)	48,39%	33,13%	74,49%	51,00%	74.490.000.000	26.520.000.000	-	-
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định									
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	28,19%	28,19%	52,52%	52,52%	2.876.479.633	2.876.479.633	-	-
7	Công ty TNHH Một thành viên Chăn Len – Dệt may Nam Định	53,67%	53,67%	100%	100%	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
8	Công ty Cổ phần May IV Dệt Nam Định	28,69%	28,69%	53,46%	53,46%	4.009.500.000	4.009.500.000	-	-
9	Công ty Cổ phần Dệt Khăn Dệt May Nam Định	33,59%	33,59%	62,58%	62,58%	5.632.500.000	5.632.500.000	-	-
	Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định (ii)	-	48,78%	-	90,88%	-	27.264.000.000	-	-

Phụ lục 2

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019
		Công ty con của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam							
	Công ty Cổ phần Bông Tây Nguyên (iii)	-	29,80%	-	54,18%	-	5.169.025.696	-	-
	Công ty Cổ phần Bông & Kinh doanh Tổng hợp Miền Trung (iii)	-	42,91%	-	49,81%	-	6.524.366.514	-	4.308.702.000
	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nha Hồ (iii)	-	29,70%	-	54,00%	-	11.995.261.380	-	-
Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex									
	Công ty Cổ phần May Nam An (iii)	-	31,50%	-	64,33%	-	15.440.000.000	-	-
	Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa (iii)	-	36,72%	-	75,00%	-	22.500.000.000	-	-
	Công ty TNHH May Vinatex Bồng Sơn (iii)	-	48,97%	-	100%	-	30.000.000.000	-	-
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú									
	Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam (ii)	-	30,55%	-	60,99%	-	42.872.026.710	-	-
	Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang (ii)	-	26,04%	-	51,97%	-	121.530.712.643	-	-
10	Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú (trước đây là Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú) (iv)	44,39%	35,57%	88,61%	71%	200.527.468.554	105.750.000.000	-	-

Phụ lục 2

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019
		Công ty con của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex							
11	Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	100%	100%	100%	100%	128.068.211.370	128.068.211.370	-	-
12	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	57,57%	57,57%	118.026.000.000	118.026.000.000	-	-
13	Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh (v)	87,75%	68,86%	87,75%	68,86%	70.200.000.000	37.200.000.000	-	-

- (i) Trong năm, Công ty Cổ phần Hòa Thọ Thăng Bình đã phát hành thêm cổ phiếu cho Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và các cổ đông thiểu số, qua đó làm tăng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty con này.
- (ii) Đây là các công ty con được chuyển thành công ty liên kết trong năm.
- (iii) Đây là các công ty con thanh lý trong năm.
- (iv) Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã mua lại cổ phần của các cổ đông thiểu số và góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú, qua đó làm tăng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty con này.
- (v) Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đã chuyển giao cổ phần tại công ty con này cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex qua đó làm tăng tỉ lệ sở hữu của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex và Tập đoàn tại công ty con này.

Phụ lục 3

Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội									
1	Cty Cổ phần Thời trang Hanosimex	37,42%	37,42%	65,00%	65,00%	5.850.000.000	5.850.000.000	-	-
2	Công ty Cổ phần Dệt May Hoàng Thị Loan	43,70%	43,70%	75,90%	75,90%	26.653.336.785	26.653.336.785	-	-
3	Công ty Cổ phần Thương mại Hải Phòng Hanosimex	29,40%	29,40%	51,07%	51,07%	5.107.360.406	5.107.000.000	-	-
4	Công ty Cổ phần May Halotexco	37,75%	37,75%	53,64%	53,64%	3.755.000.000	3.755.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000
5	Công ty Cổ phần May Hải Phòng Hanosimex	34,67%	34,67%	50,00%	50,00%	1.250.000.000	1.250.000.000	500.000.000	500.000.000
6	Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam – Hanosimex	57,57%	57,57%	100%	100%	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
7	Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex	31,10%	31,10%	53,23%	53,23%	13.039.194.560	13.039.194.560	-	-
8	Công ty Cổ phần Dệt kim Hanosimex	77,27%	77,27%	51,32%	51,32%	19.500.000.000	19.500.000.000	13.274.943.881	13.274.943.881

Phụ lục 4

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019
Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam					
1	Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần	27,69%	27,69%	50.400.000.000	50.400.000.000
2	Tổng Công ty Đức Giang – Công ty Cổ phần (i)	35,21%	35,21%	31.692.220.000	25.287.630.000
3	Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP	35,01%	35,01%	47.434.460.000	47.434.460.000
4	Công ty Cổ phần May Bình Minh	25,00%	25,00%	13.230.000.000	13.230.000.000
5	Công ty Cổ phần May Hữu Nghị	29,24%	29,24%	34.766.360.000	34.766.360.000
6	Công ty Cổ phần May Đồng Nai	25,70%	25,70%	28.108.080.000	28.108.080.000
7	Công ty Cổ phần Vinatex OJ	35,00%	35,00%	10.143.000.000	10.143.000.000
8	Công ty Cổ phần May Chiến Thắng	21,99%	21,99%	6.120.000.000	6.120.000.000
9	Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng	30,00%	30,00%	9.000.000.000	9.000.000.000
10	Công ty Cổ phần May Đáp Cầu (i)	24,04%	24,04%	16.407.300.000	12.621.000.000
11	Công ty Cổ phần May Nam Định	30,00%	30,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
12	Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	44,00%	44,00%	3.564.000.000	3.564.000.000
13	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	23,46%	23,46%	610.000.000	610.000.000
14	Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	134.059.200.000	134.059.200.000
15	Tổng Công ty Việt Thắng – Công ty Cổ phần	46,93%	46,93%	98.550.000.000	98.550.000.000
16	Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần	33,82%	33,82%	102.273.980.000	102.273.980.000
17	Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	40,33%	40,33%	85.443.720.435	85.346.535.875
18	Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	30,66%	30,66%	95.877.720.000	95.877.720.000
19	Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	21,21%	27,00%	29.700.000.000	29.700.000.000
20	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex (ii)	44,52%	-	37.275.000.000	-
Công ty liên kết của Tổng Công Ty Cổ phần Dệt may Nam Định					
21	Công ty Cổ phần May 1 Dệt Nam Định	19,32%	19,32%	2.700.000.000	2.700.000.000
22	Công ty CP Đô thị Dệt May Nam Định	26,81%	26,81%	31.100.000.000	31.100.000.000
23	Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	19,32%	19,32%	1.980.000.000	1.980.000.000

Phụ lục 4

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019
24	Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định (ii)	24,67%	-	13.791.000.000	-

Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội					
25	Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex	16,68%	16,68%	1.159.000.000	1.159.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ					
26	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	17,69%	17,69%	4.000.000.000	4.000.000.000
27	Công ty Cổ phần Hòa Thọ - Quảng Nam	20,88%	20,88%	6.428.000.000	6.428.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú					
28	Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	80.347.424.000	80.347.424.000
29	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	10,77%	10,77%	10.000.000.000	10.000.000.000
30	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	35,27%	35,27%	10.048.648.520	10.048.648.520
31	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	22,05%	22,05%	144.586.200.608	144.596.306.997
32	Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam (ii)	18,03%	-	21.724.480.000	-
33	Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang (ii)	15,20%	-	56.143.750.000	-
34	Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú (iii)	15,89%	19,74%	7.755.326.237	8.011.203.600
Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex					
	Công ty Cổ phần May Vinatex Hương Trà (iv)	-	12,24%	-	7.500.000.000

- (i) Trong năm, các công ty liên kết này đã tăng vốn cổ phần từ quỹ đầu tư phát triển và thặng dư vốn cổ phần, qua đó làm tăng giá trị đầu tư theo mệnh giá của Tập đoàn tại các công ty liên kết này.
- (ii) Đây là công ty con được chuyển thành công ty liên kết trong năm.
- (iii) Trong năm, Tập đoàn đã bán một số cổ phần tại Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú.
- (iv) Trong năm, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex trở thành Công ty liên kết của Tập đoàn, do đó Công ty Cổ phần May Vinatex Hương Trà không còn là công ty liên kết của Tập đoàn.

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
Vietnam National Textile and Garment Group

Địa chỉ: Tòa nhà Leadvisors Place - 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (+84-24) 38257700. Fax: (+84-24) 38262269. Website: www.vinatex.com.vn